



**ỦY BAN DÂN TỘC**  
**VIỆN DÂN TỘC**

---

**BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT**  
**ĐẤT SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN**  
**KHMER Ở SÓC TRĂNG**

*CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI:* **KS. MA TRUNG TỶ**

**HÀ NỘI – 2005**

**5486**  
*07/10/2005*

# PHẦN MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài:

Đối với nhân dân các dân tộc thiểu số, đất là nguồn sống của họ, là quà tặng của trời. Đất là môi trường nâng đỡ và giáo dục con người. Mặc dù phong tục tập quán của mỗi dân tộc thiểu số và con đường tác động đến đất khác nhau nhưng họ đều coi đất là mẹ và luôn luôn hết sức tôn thờ: “Mẹ đất” là trung tâm của vũ trụ, là phần cơ bản trong nền văn hoá của họ, là nguồn gốc của mọi tính cách. Đất nối liền với quá khứ (do cha, mẹ, tổ tiên để lại) với hiện tại (đất là nguồn cung cấp thức ăn) và tương lai (đất là tài sản để lại cho con cháu) vì thế đồng bào dân tộc thiểu số coi đất đai như tài sản quý giá nhất của riêng của họ.

Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số đất đai là như vậy, song hiện nay đất vẫn chưa đem lại cuộc sống như mong muốn của họ. Hiện nay còn trên 700 xã có tỷ lệ người nghèo nhất cả nước đều phần lớn tập trung ở vùng dân tộc thiểu số. Việc xoá đói giảm nghèo được thực hiện ráo riết trong mấy năm qua ở nhiều địa phương vùng dân tộc thiểu số, nhưng cho đến nay kết quả đạt được vẫn còn rất khiêm tốn.

Tình trạng khan hiếm đất đai ngày càng tăng khi dân số phát triển ở cả tại chỗ và từ nơi khác đến, và tình trạng bấp bênh về quyền sở hữu ruộng đất, cùng với sự phân phối bất công các nguồn tài nguyên thiên nhiên đã làm cho tình hình các vùng dân tộc thiểu số, trong đó có vùng đồng bào Khmer ở Sóc Trăng có những vấn đề cần được quan tâm giải quyết. Từ sau ngày đất nước hoàn toàn được giải phóng vấn đề đất đai ở vùng dân tộc thiểu số, trong đó có vùng Khmer Nam bộ được Đảng và Nhà nước quan tâm vì đó là vấn đề chủ yếu của chính sách dân tộc.

Nhằm cung cấp những luận cứ khoa học, thực tiễn để Đảng và Nhà nước quyết định các chủ trương, chính sách và các giải pháp về giải quyết đất đai cho các hộ không đất và thiếu đất sản xuất nông nghiệp nói chung và hộ nông dân Khmer nói riêng; Ủy ban Dân tộc đã giao cho Viện Dân tộc đề tài cấp Viện: “Nghiên cứu Thực trạng đất sản xuất nông nghiệp và việc giải quyết đất sản xuất của nông dân Khmer ở Sóc Trăng, vấn đề đặt ra và các khuyến nghị giải quyết”.

Đây là một đề tài ứng dụng thực tiễn nhằm góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho lãnh đạo Ủy ban tham mưu cho Trung ương Đảng và Chính phủ đưa ra những chủ trương giải pháp có căn cứ khoa học phù hợp với tình hình thực tế.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề nghiên cứu PGS.TS Lê Ngọc Thắng cùng tập thể lãnh đạo đã chỉ đạo giao đề tài này cho đồng chí Ma Trung Tỷ chuyên viên chính của Viện chủ trì phối hợp với **Cơ quan thường trực đồng bằng sông Cửu Long**, các cán bộ các cấp của tỉnh Sóc Trăng trực tiếp đi điều tra, phỏng vấn thu thập số liệu, tư liệu thông tin từ các hộ không đất và thiếu đất của ấp Bung Kóc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, các cán bộ xã Phú Mỹ, xã An Ninh, huyện Mỹ Tú cũng như cán bộ của ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng, Sở Tài nguyên và Môi trường của tỉnh Sóc Trăng tham gia nghiên cứu.

Thông qua các số liệu điều tra, phỏng vấn. Viện Dân tộc đã phối hợp với Ủy ban Nhân dân xã Phú Mỹ và ấp Bung Cóc tiến hành được hai cuộc hội thảo có sự tham gia của người dân. Đã trao đổi và đi đến thống nhất về vấn đề đánh giá thực trạng, nguyên nhân, các quan điểm giải pháp đối với hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất ở địa phương nói riêng và Sóc Trăng nói chung.

Ngoài các tài liệu, tư liệu nghiên cứu của mình, đề tài đã kế thừa; chất lọc các kết quả nghiên cứu gần đây của Hội Nông dân Việt Nam, Ban Kinh

tế Trung ương, trường Đại học Kinh tế quốc dân về tình hình hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất ở Sóc Trăng.

Qua rất nhiều lần trao đổi rộng rãi các nội dung cơ bản của đề tài như thực trạng nông dân Khmer không đất, thiếu đất ở Sóc Trăng đã dần dần được rõ. Các giải pháp giải quyết vấn đề đất đai sản xuất nông nghiệp và đời sống của hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất liên quan đến việc làm thu nhập và các chính sách của Đảng và Nhà nước, trước mắt và lâu dài đã được đề cập. Nhiều vấn đề đã được địa phương ủng hộ, nhưng cũng còn nhiều vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu, nhất là vấn đề vốn, tìm việc làm và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở vùng đồng bào Khmer ở Sóc Trăng.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu:**

Nghiên cứu thực trạng , tình hình đất sản xuất của người nông dân Khmer ở Sóc Trăng , trên cơ sở đó khuyến nghị với các cơ quan , chính quyền các cấp nhằm bổ sung hoàn thiện các giải pháp giải quyết đất sản xuất đối với người nông dân Khmer ở Sóc Trăng.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

A, Đối tượng:

Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu trên những đối tượng sau đây gọi là những đối tượng nghiên cứu của đề tài.

- Các hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất sản xuất nông nghiệp cả tỉnh Sóc Trăng.

- Các giải pháp đã thực hiện nhằm giải quyết đất sản xuất cho đồng bào khmer ở Sóc trăng.

B , Phạm vi nghiên cứu:

- Nghiên cứu số liệu thứ cấp tại hai xã Phú mỹ và An ninh.

-Điều tra khảo sát mẫu tại ấp Bung Cóc Xã Phú Mỹ huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng.

-Thực hiện phương pháp đánh giá nhanh nông thôn tại ấp Bung Cóc xã Phú Mỹ , huyện Mỹ Tú , Tỉnh Sóc trăng.

#### **4. Tình hình nghiên cứu:**

Sau khi có nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, đồng bào tin tưởng phấn khởi . Cơ chế khoán gọn đã tạo được động lực thúc đẩy phát triển sản xuất. Nhưng ở nhiều nơi do việc trang trải ruộng đất bình quân và giao ruộng khoán thiếu công bằng trước đây chưa được giải quyết thoả đáng, nay được dịp mở rộng dân chủ và công khai nên đã nảy sinh nhiều vấn đề về đất sản xuất nông nghiệp. Một số hộ nông dân được giao ruộng nhưng thiếu vốn sản xuất phải cầm cố một phần , rồi lại làm thuê ngay trên chính trên mảnh đất đã cầm cố . Chính vì vậy đã có một số đề tài , dự án nghiên cứu liên quan đến vấn đề đất sản xuất ở đồng bằng sông cửu long. trong đó có vấn đề đất đai của đồng bào Khmer như:

-TS Bế Trường Thành và nhóm tác giả: điều tra cơ bản trực trạng tình hình thực hiện chính sách dân tộc ở 3 khu vực : Tây bắc , Tây nguyên , Tây Nam bộ nhằm phát triển bền vững.

-Hoàng Công Dung và Ts Trần Văn Thuật và nhóm tác giả : Điều tra tình hình vay và sử dụng vốn tín dụng ngân hàng người nghèo 2002 – 2003.

-GS- TS Nguyễn Đình Hương và nhóm tác giả : Dự án Sản xuất và Đời sống của các hộ nông dân không có đất hoặc thiếu đất ở đồng bằng sông cửu long , thực trạng và giải pháp.

# PHẦN I

## KHÁI QUÁT MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM

### CỦA ĐỒNG BÀO KHMER

#### **1. Khái quát đặc điểm của người Khmer nói chung và nông dân Khmer Sóc Trăng nói riêng:**

Hiện nay, đồng bào Khmer có khoảng 1.055.174 người (số liệu năm 1999), cư trú chủ yếu ở miền Tây đồng bằng Sông Cửu Long. Các tỉnh có người Khmer sống nhiều nhất là Sóc Trăng khoảng 358.000 người, Trà Vinh khoảng 300.000 người, Kiên Giang khoảng 200.000 người...

Người Khmer cư trú thành các xóm, làng (phum, sóc) hoặc xen kẽ, cuộc sống riêng biệt với các xã ấp của người Kinh và người Hoa. Một đặc điểm truyền thống của họ là cư trú theo từng dải dài trên các giồng (phno). Đó là lớp phù sa cổ sinh, trên mặt là cát pha thịt, dưới sâu có sét và dễ thoát nước. Đây là các dải duyên hải, hoặc những dải đất ven sông đã trở thành đất liền trong quá trình tiến ra biển. Do áp lực nhân khẩu, đồng bào đã bỏ qua các vùng đất giồng, tiến dân và khai thác ruộng ven giồng, những vùng đất bồi, hoặc khai triển vùng đất cư trú giữa những đồng lúa lớn. Cũng có người cư trú quanh các thị xã, thị trấn như phường 5 thị xã Sóc Trăng nhưng ở đây nông nghiệp vẫn là chủ yếu. Cuối cùng là hình thức mang dạng “vành khăn” của các làng quanh chân núi Ba Thê, hay vùng dãy núi An Giang.

#### ***1.1. Đặc điểm sản xuất nông nghiệp của dân tộc Khmer:***

##### **a) Trồng trọt:**

Người Khmer từ xa xưa đã trồng lúa nước và có nhiều kinh nghiệm trong việc canh tác lúa nước. Đồng bào phân biệt nhiều loại ruộng đất gieo

trồng và các giống lúa, biện pháp kỹ thuật thích hợp cho từng loại đất. Loại ruộng gò (xretuól), phù hợp với vụ lúa sớm, (xrâseral) và các giống lúa như né-ang-vok, néangkhlei; loại ruộng thấp (xrêtum niếp) được cấu tạo từ phù sa cận sinh chứa nhiều đất pha cát, có khả năng lưu trữ nước mưa lâu hơn, nên thích hợp với giống lúa mùa, (xrâu vơđơn), loại ruộng rộc (xre lattô) nằm giữa hai giống, tích tụ được nhiều chất hữu cơ, có nước quanh năm, thích hợp với nhiều vụ lúa và hoa màu trong mùa khô, loại ruộng lúa nổi (xrelơn tuk) phổ biến ở vùng tứ giác Long Xuyên, thích hợp kỹ thuật sạ lúa, với các giống nêang tây, néang deum..., loại ruộng vùng bưng trung (xrê vơn) giàu chất đạm nên nông dân Khmer cấy lúa hai lần. Ở các vùng đất bưng, bùn được cải tạo thành ruộng này, họ thường phát cỏ, đắp bờ, cho trâu bò giẫm đạp cỏ xuống bùn biến thành phân tốt, loại ruộng này thích hợp với giống lúa có thời gian sinh trưởng dài ngày, cho năng suất cao.

Người Khmer đã có nhiều sáng kiến tạo ra các biện pháp thủy lợi thích hợp với địa thế ruộng đất. ở vùng gò hay vùng đất cao gần giống, ngoài việc lợi dụng nước mưa để làm ruộng, đồng bào thường đào giếng (ondôn, ang tuk) ngay giữa ruộng hoặc dùng thùng gánh hay gầu dây (nach) để kéo nước lên. Trước đây các ao (Troplăng) mà ta còn biết được qua sự tích ao Bà Om, Ao Phật... cũng được đào lấy nước để tưới hoa màu và đôi lúc tưới cho cả ruộng, nhất là các ruộng mùa khô (Xrêprăng). Nông dân Khmer còn lợi dụng các đường nước (ô) để dẫn và trữ nước, khi cần thì tát vào ruộng bằng gàu giai hay gàu sóng (xnach Yaeng thloèng). Ở nhiều vùng gần sông rạch và bị nhiễm phèn đồng bào thường lợi dụng thủy triều lên, xuống để đưa nước vào ruộng rồi đắp những đập nhỏ (Tronúp) để giữ nước xỏ phèn, hay giữ nước phù sa lại làm màu. Trước đây do tiếp thu của người Kinh, người Khmer thường sử dụng guồng (Ró hất tuk) để đưa nước vào ruộng. Từ nhiều năm nay đồng bào Khmer ta đã sử dụng phổ biến các loại máy bơm nhỏ để đưa nước vào ruộng.

Đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long từ những ngày còn hoang vu, còn nhiều thử thách của thiên nhiên đã tạo ra được những hình thức tương trợ nhau trong sản xuất. Các dok dăng; (hay dôk dăng pevah knea: mượn tay luân phiên), là những tổ chức đổi công - đã sớm xuất hiện nhằm giúp đỡ nhau trong sản xuất cũng như trong đời sống khi có việc làm như cưới xin, ma chay...

Công cụ của người Khmer gần giống với các công cụ của người Kinh. ở những vùng đất phù sa bên sông, ven biển hay ven rừng chàm, trước đây người Khmer thường phát cỏ bằng loại pháng sau đó dùng loại bừa cào to mà xéo cỏ gom lại thành vòng và dài hơn lưỡi cày, rồi cày với cái nọc khá to để xới đất. ở những vùng dùng cày thì chiếc cày của người Khmer chắc chắn và dài hơn, lưỡi cày xới đất sâu hơn, thích hợp với đất nam Bộ. Bừa của người Khmer nam Bộ cũng nặng hơn, răng dài hơn, mặt khác biệt sử dụng các trục lăn đất (thlóc) phổ biến hơn ở Căm pu chia.

Trước kia năng suất lúa 1 ha trung bình từ 5 đến 6 gạ/công. Những năm dưới chế độ cũ, nông dân Khmer cũng đã sử dụng phân bón hoá học, máy bơm nước, thuốc trừ sâu, nên năng suất có phần cao hơn, trung bình 10-11 gạ/công, có địa phương đạt 20-30 gạ/công. Sau ngày giải phóng, tiếp thu truyền thống sử dụng kỹ thuật canh tác và các giống lúa mới, hệ thống thủy lợi được mở rộng, quan hệ xã hội được cải tạo nên năng suất lúa cao hơn.

Bên cạnh việc trồng lúa nước là ngành sản xuất chủ yếu, nông dân Khmer còn trồng hoa màu trên các đất rẫy gọi là Chôm ka. Có hai loại đất rẫy: rẫy chuyên dùng và rẫy vốn là ruộng ven phum sóc. Giữa hai vụ lúa lớn, nông dân Khmer còn canh tác thêm một vụ hoa màu phụ ngắn ngày. Trên đất Chôm ka, phổ biến là các loại đậu, khoai, ngô, rau, mía, hành ... cũng có địa phương chuyên trồng đặc sản như dưa hấu, nành độ, nhãn, sầu vàng và xoài.



Người Khmer ở vùng ven sông, rạch hay bờ biển cũng đã sử dụng kỹ thuật đánh cá nước ngọt, nước mặn. Rất ít người Khmer sống bằng nghề chài lưới trên biển, kỹ thuật đánh bắt cá đồng, cá sông của người Khmer cũng như các ngư cụ: lưới, đăng đó, đáy... rất giống người Kinh (ngoại trừ cái “xà neeng” dùng để xúc cá tép. Trên sông Hậu và sông Tiền phần nhiều dùng lưới và giăng câu, còn các sông, kênh, rạch, dùng vó, lờ, xiên... cá kiếm được để cải thiện trong bữa ăn nếu dư thừa chút ít thì mang ra chợ bán hay làm khô, nhiều loại cá còn được dùng làm mắm prahóc, một món ăn độc đáo của dân tộc.

#### b) Chăn nuôi:

Chăn nuôi ở vùng đồng bào Khmer nhìn chung còn gắn với nông nghiệp. Ngoài số gia súc, gia cầm nuôi trong bản, vườn, có nơi còn nuôi hàng ngàn vịt bầu để lấy trứng và bán thịt. Một số nơi đồng bào nuôi bò, trâu, để làm sức kéo và để bán. Từ năm 1965 khi máy kéo cày bừa ra nhập vào nông thôn Khmer đàn trâu bò đã giảm đi.

#### ***1.2. Đặc điểm sản xuất các nghề truyền thống của đồng bào Khmer.***

Nghề thủ công đan tre rất phổ biến ở nông thôn Khmer và thường được tiến hành trong những lúc nông nhàn. Những đồ đựng, đồ chứa, như các loại giỏ, xách, quả, làn đựng hoa quả, trầu thuốc... các đồ nghề đánh cá đan bằng tre như lờ, đó đăng, nơm, xaneeng... rất khéo và bền mang nhiều sắc thái dân tộc trong kỹ thuật tạo hình, trang trí. Nghề đan đệm, dệt chiếu trơn và chiếu hoa do phụ nữ đảm nhiệm cũng rất phổ biến.

Dưới chế độ cũ, việc nhập ô ạt vải vóc đã bóp chết nghề nuôi tằm, dệt chăn của đồng bào Khmer. Hiện còn vài nơi đồng bào còn dùng chăn (samphốt), nên nghề dệt còn phát triển. Ngoài các loại sam phốt, đồng bào còn dệt các loại khăn tằm, khăn đội được nhiều người Việt rất yêu thích. Đi đôi với nghề dệt là nghề nhuộm (mặc nưa).

Đồng bào Khmer có truyền thống làm đồ gốm từ lâu đời. Ở những di tích khảo cổ, khối lượng gốm rất lớn, có nhiều loại hình, hoa văn đa dạng. Hai trung tâm gốm lớn nhất là Tri Tôn và Sóc Soài Kiên Giang. Kỹ thuật chủ yếu dựa vào đôi tay của phụ nữ, chưa có bàn soay, bàn đập khắc sẵn các hình kỹ nữ và hình răng lược được dùng để trang trí. Sản phẩm phơi khô và nung chính khoảng 600- 800<sup>o</sup>C. Ngoài các dụng cụ gia đình, sản phẩm gốm Khmer đồng bằng sông Cửu Long phổ biến là các nôi (cà om), các cà ràng, một loại bếp **cỏ thổ** vắn trên nhà sàn, buộc trên ghe thuyền, các loại chõng cúng thần (xxoaræ) ngoài ra ở nông thôn Khmer lác đác còn có một số thợ mộc, thợ nề làm đường thốt nốt, ở thị trấn còn có một số thợ bạc.

### ***1.3. Tập quán sản xuất của đồng bào Khmer ở tỉnh Sóc Trăng:***

- Người Khmer ở Sóc Trăng phần lớn tập trung ở địa bàn xa thị xã, thị trấn, không có trục giao thông hay sông lớn, nhà ở quy tụ theo hình (óc) nhà nọ liền sát nhà kia nên phần lớn không trồng lúa hay chăn nuôi nhiều, do đó phần thu nhập thêm thường rất ít. Lo cuộc sống gia đình chủ yếu do tay phụ nữ, kể cả việc đồng áng. Đàn ông chú trọng việc nhà chùa, phum, soóc và chỉ đóng vai trò phụ trong gia đình. Phần lớn họ sản xuất thuần nông, ngành nghề phụ rất ít, chủ yếu là ngành dệt truyền thống.

Phum, soóc Khmer thường được quan niệm như làng xóm của người Kinh. Tiếng Khmer “phum có nghĩa là đất” “thổ” cả hay vườn tổng hợp trên đất ở. Phum có ranh giới tự nhiên.

Gia đình nhỏ là hình thức phổ biến ở vùng Khmer. Đứng đầu gia đình là người chồng hay người cha, ông già là người thay mặt gia đình giao dịch với bên ngoài. Tuy nhiên trong nội bộ gia đình, vai trò đàn ông không có gì nổi bật, ông ta phải tham khảo ý kiến của vợ trong việc chi tiêu, mua bán, lễ lạt, đi tu và trong sản xuất. Người phụ nữ Khmer chia sẻ với chồng trong mọi lao động, và nói chung người vợ là thủ quỹ chính của gia đình.

Đối với nam giới, tập quán sùng đạo, khuyến khích việc đi tu, gần như đã thành phong tục của các xứ đạo, tiểu thừa là một tập tục mang sắc thái dân tộc, từ lâu được đồng bào Khmer tôn trọng và duy trì. Nhà chùa chỉ nhận con trai từ 12 tuổi trở lên.

Đạo phật tiểu thừa, mặc dù chỉ chính thức ra nhập vào từ thế kỷ 18 nhưng đã chi phối sâu sắc nông thôn Khmer. Chùa không chỉ là trung tâm tôn giáo mà thường là nơi tập trung trường lớp ở nông thôn, là nơi họp dân để bàn việc công ích, nơi tiếp các vị khách quý của Phum, sóc. Các lễ thức phật giáo đan xen với các nghi lễ nông nghiệp.

Người Khmer ở Sóc Trăng chủ yếu theo đạo phật phái Nam Tông, sư sãi và ngôi chùa có một vị trí vai trò hết sức đặc thù, và là trung tâm điểm của các cuộc hội họp, lễ bái, vui chơi, học tập. Bên cạnh đó do tư tưởng của người Khmer còn chịu ảnh hưởng và chi phối bởi các tín ngưỡng, phong tục tập quán lâu đời, nên bản thân cho là cuộc sống do mệnh trời ban cho. Điều đó rất ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt và sản xuất hàng ngày như ít chí thú làm ăn và thường ỷ lại tài sản của gia đình để lại.

Bản thân người Khmer sống đơn giản, thật thà, chất phác, không muốn tranh giành và do rất tôn trọng về giá trị đời sống tinh thần, nên trong cuộc sống hàng ngày không muốn cạnh tranh, đoạt lợi với người khác để tránh sự bất hoà, rất chú quan về chi tiêu và tiết kiệm trong sinh hoạt hàng ngày từ đó ý thức tự vươn lên của bản thân còn thấp.

## PHẦN II

# THỰC TRẠNG ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT ĐẤT SẢN XUẤT ĐỐI VỚI NÔNG DÂN KHMER Ở SÓC TRĂNG.

### 1. Khái quát thực trạng sở hữu đất sản xuất hiện nay của tỉnh Sóc Trăng:

#### a) Xu hướng vận động về ruộng đất của tỉnh Sóc Trăng:

Đối với tỉnh Sóc Trăng là tỉnh thuộc vùng có điều kiện phát triển nông nghiệp hàng hoá. Theo số liệu thống kê năm 2003 diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh là: 322.330 ha, trong đó đất nông nghiệp là 263.831 ha chiếm 80,35%; đất lâm nghiệp là 9.287 ha chiếm 3,37%; đất chuyên dùng 19.611 ha chiếm 7,13%; đất ở 4.725 ha chiếm 1,65%; quỹ đất chưa sử dụng 24.876 ha chiếm 7,50% (trong đó 90,46% là sông, rạch). qua hiện trạng sử dụng đất, cho thấy thế mạnh của Sóc Trăng là sản xuất nông nghiệp. Đất ở, nhất là đất ở đô thị và đất xây dựng chiếm tỷ trọng thấp, cho thấy việc đô thị hoá còn ở trình độ thấp. Tuy đất đai chưa thật thuận lợi đối với cây lúa (65,04% đất nông nghiệp bị nhiễm phèn, phèn và phèn mặn). Nhưng sau ngày tách tỉnh đã có nhiều đầu tư cho công tác thuỷ lợi nhằm cải tạo đất. Diện tích trồng lúa tăng từ 275,6 ngàn ha năm 1995 lên 373,7 ngàn ha năm 2000. Vì vậy tốc độ phát triển đạt mức trung bình 7,5%, tốc độ phát triển lương thực đạt 8,57%. Thực tế qua một số năm đổi mới nông nghiệp Sóc Trăng đã có những khởi sắc ban đầu, sản xuất lương thực đã theo hướng sản xuất hàng hoá. Vì vậy những biểu hiện về sự vận động của đất đai và lao động theo xa trình độ học vấn cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến đói nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer ở Sóc Trăng. Hiện nay đại bộ phận người Khmer ở Sóc Trăng là

sống ở nông thôn, lao động thô sơ. Ít quan tâm đến vấn đề giáo dục cho con cháu đến trường, hiện số học sinh từ tiểu học đến đại học còn chiếm một tỷ lệ thấp trong tỉnh. Do đó ảnh hưởng đến trình độ sản xuất, khả năng tiếp cận thị trường và chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi khi nền kinh tế của tỉnh đang trên đà phát triển. Bên cạnh đó người Khmer cam chịu để tránh bất hoà, nếu chọn nghề cho con thường chọn những ngành ít đụng chạm trong các quan hệ xã hội như sư phạm và y tế. Hơn 90% người Khmer sống chủ yếu là nông nghiệp có thói quen sản xuất chủ yếu theo tập quán truyền thống lâu đời. Khi nền kinh tế phát triển thì phải áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi trong nông nghiệp, trong lĩnh vực này người Khmer còn áp dụng rất lúng túng và khả năng nắm bắt thị trường giá cả, tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế. Bên cạnh đó những hộ nghèo thường không có hoặc thiếu vốn sản xuất và không có đất canh tác, đi làm mướn, ăn trước trả sau, khi có thiên tai địch hoạ bệnh tật chỉ có đi vay mượn với lãi suất cao. Vì vậy khi sản xuất gặp những bất thường người Khmer khó gượng được và việc bán đất để sống là điều tất yếu.

Theo số liệu báo cáo của Uỷ ban nhân dân tỉnh (theo sổ địa chính 5/1998) toàn tỉnh có 147.786 hộ nông nghiệp trong đó có 9.900 hộ không có đất sản xuất nông nghiệp chiếm 6,7% tổng số hộ nông nghiệp và 20.802 hộ có dưới 2000 m<sup>2</sup> chiếm 14,07% tổng số hộ nông nghiệp, đồng thời có 87.97 hộ có đất vượt hạn điền (hơn 3 ha) chiếm tỷ lệ 5,95%. Theo các nhà khoa học con số trên còn thấp hơn lượng đáng kể so với thực tế. Bởi vì hiện tượng mua bán, chuyển nhượng đất đai ở Sóc Trăng đã và đang diễn ra nhưng số không thông qua chính quyền và chuyển trong sổ hộ thuế chiếm tỷ lệ đáng kể. Việc mua bán đất đai theo đúng pháp luật các địa phương chưa kiểm soát hết. Hơn nữa hiện tượng cầm cố ruộng đất diễn ra rất phổ biến, số này hoàn toàn không thông qua chính quyền. Trong báo cáo của Uỷ ban nhân dân tỉnh cũng có đề cập đến vấn đề này và đưa ra tỷ lệ 1,5-2% so với số liệu công bố,

tỷ lệ này còn thấp so với thực tế. Theo số liệu khảo sát năm 2004 tại sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Sóc Trăng thì con số không có đất hoặc thiếu đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh là 35.000 hộ, trong đó có 11.289 hộ nông dân Khmer không đất. Theo các nhà lãnh đạo Sở Tài nguyên- Môi trường tỉnh Sóc Trăng thì vấn đề đất sản xuất ở tỉnh Sóc Trăng biến động rất lớn trong những năm gần đây.

Về con số chung trong vi phạm toàn tỉnh, vì chưa có sự điều tra toàn diện, nên cần thừa nhận con số gần đúng. Với tình hình qua số liệu báo cáo, chúng ta thấy ở Sóc Trăng sự vận động của đất đai trong cơ chế thị trường biểu hiện:

+ Quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất đã diễn ra, tỷ trọng còn thấp, nhưng đã vượt ra khỏi khuôn khổ của luật pháp (Luật đất đai năm 1993 quy định mức hạn điền đối với trồng cây hàng năm quá 3 ha, có hộ đã có 31,2 ha vượt mức hạn điền 10 lần). Điều này cho thấy: Một mặt do sự bất hợp lý trong các quy định của luật pháp, mặt khác cũng có thể do mức sống mãnh liệt của các quy luật của cơ chế thị trường đã khiến cho con người bất chấp cả luật pháp. Tuy nhiên qua khảo sát thực tế cho thấy sự vận động trên dẫn đến hai kết quả ngược nhau.

- Quá trình tích tụ ruộng đất ba giai đoạn này đã tạo ra hệ suất cân đối giữa đất đai và lao động, đã dẫn tới một bộ phận nông dân không đất, thiếu việc làm, hoặc có việc làm không ổn định.

- Quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất và những hộ nông dân có điều kiện và trình độ kinh doanh đất đai có hiệu quả. Một mặt, nó làm cho năng xuất đất đai tăng lên (do có kinh nghiệm sản xuất, có mức đầu tư hợp lý...từ đó làm cho chúng ta thấy rằng đây là một trong những nguyên nhân làm cho sản xuất lương thực ở Sóc Trăng tăng, nhưng khi phân tích chưa thấy ai đề cập tới) mặt khác nó làm cho hiệu quả sản xuất của các hộ nông dân nhiều đất tăng lên, sức cạnh tranh của sản xuất lương thực từng bước được

nâng lên: Năm 1997 diện tích lúa cả năm là 330.663 ha tăng 36,2% so với năm 1992.

Tuy nhiên, sự vận động của đất đai và lao động ở Sóc Trăng đã và đang được đặt ra nhiều vấn đề cần được giải quyết.

b) Một số khái niệm cơ bản về hộ nông dân không đất, thiếu đất đai trong điều kiện của Sóc Trăng.

b.1) *Khái niệm hộ nông dân không đất.*

Hộ nông dân không đất (nói đầy đủ là nông dân không có đất sản xuất nông nghiệp) là phạm trù chứa hai nội dung cơ bản sau:

+ Trước hết đó là các hộ nông dân, những người làm việc và có thu nhập chủ yếu từ các hoạt động nông nghiệp, bao gồm các hoạt động sản xuất nông nghiệp và dịch vụ trực tiếp cho nông nghiệp, nhưng cũng có thể tham gia các hoạt động ấy với tư cách là những người làm thuê. Cần lưu ý: Cụm từ hộ nông dân phản ánh nghề nghiệp của họ, điều đó có nghĩa các hộ làm nông nghiệp ngày càng giảm, các hộ vừa làm nông nghiệp vừa làm ngành nghề và dịch vụ ngày một tăng. Vì vậy, hộ nông dân có thể hiểu không chỉ là hộ chỉ làm nông nghiệp mà có thể làm các ngành nghề khác, nhưng lao động với thu nhập nông nghiệp phải là chủ yếu.

+ Không đất phải được hiểu là đất để sản xuất nông nghiệp theo nghĩa rộng, bao gồm: Đất trồng trọt nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản. Vì vậy những hộ có đất ở trong phạm vi quy định (300m<sup>2</sup>) những hộ không đất phải đi ở nhờ là những hộ nông dân không đất. Không đất còn được hiểu là những người không làm chủ quá trình sản xuất nông nghiệp trên đất đai. Vì vậy, không đất không bao hàm những người được chính quyền giao đất, thừa kế từ cha mẹ,... thậm chí cả thuê đất và nhận cầm cố đất.

Như vậy hộ nông dân không đất là những hộ nông nghiệp là chủ yếu, nhưng không có đất với tư cách là chủ sử dụng đất để tổ chức các hoạt động trên đất đó.

ở Sóc Trăng người ta thường quan niệm: Không có đất ruộng mới là không đất, tức là có vườn, có rừng vẫn là không đất. Quan niệm trên xuất phát từ thực trạng quỹ đất của vùng lớn, diện tích vườn và rẫy chiếm tỷ trọng nhỏ nên người ta thường không tính. Hơn nữa, do hiệu quả sử dụng đất vườn thấp nên những gia đình có 1-2 công vườn cũng không chú trọng khai thác. Trong một chừng mực nào đó những vấn đề trên cũng đáng lưu ý. Nhưng theo chúng ta cần thay đổi quan niệm không đất theo các tiêu thức đã nêu (thực tế một số nơi đã thay đổi như vậy). Bởi vì với quan niệm như hiện tại chúng ta đã thừa nhận sự lãng phí đất vườn, đất rẫy, nếu tổ chức tốt sẽ mang lại thu nhập cao hơn đất ruộng, còn nếu thừa nhận đất vườn, đất rẫy khi tính toán kết quả và hiệu quả sản xuất đã đặt ra vấn đề khai thác có hiệu quả chúng.

#### b.2) *Khái niệm hộ nông dân thiếu đất.*

Hộ nông dân thiếu đất cũng là tập hợp tử chưa đầy đủ (nói đầy đủ là hộ nông dân thiếu đất sản xuất nông nghiệp).

+ Về cụm từ “hộ nông dân” chúng ta có chung cách hiểu như hộ nông dân trong khái niệm hộ nông dân không đất. Sự khác biệt giữa 2 cụm từ này trong cách phân loại hộ. Nếu như hộ nông dân không đất có tồn tại loại hộ chuyên làm thuê thì về nguyên tắc hộ nông dân thiếu đất sẽ không tồn tại loại hộ này. Bởi vì hộ thiếu đất sau khi canh tác trên đất đai của mình mới đi làm thuê. ở đây chúng ta nói đó là nguyên tắc vì thực tế nhiều hộ gia đình chỉ có đất vườn và để đất hoang hoặc trồng chọt vài cây ăn quả, nên thời gian chủ yếu là đi làm thuê. Trong trường hợp đó nói hộ thiếu đất chuyên đi làm thuê tưởng là vô lý nhưng thực tế vẫn tồn tại.



+ Về cụm từ “thiếu đất”: Đây là cụm từ có nội dung rất khó mặc định ? như thế nào là thiếu đất ? bao nhiêu là thiếu ? so với cái gì là thiếu ?...

Trước tiên, cũng giống như đối với hộ nông dân không đất phải hiểu đó là thiếu đất sản xuất nông nghiệp. Vậy vấn đề là có bao nhiêu đất là thiếu ? theo quan niệm thông thường hộ có dưới 2.000m<sup>2</sup> được coi là thiếu đất. Quan niệm này không được chấp nhận ở các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long trong đó có Sóc Trăng. Khảo sát thực tế chúng tôi thấy.

- Nếu đứng trên phương diện hiệu quả tổ chức sản xuất: Hầu hết các hộ sản xuất lúa có quy mô 2.000m<sup>2</sup>/hộ đều không có lãi, thậm chí còn thô lỗ. Trong điều kiện hiện tại của sản xuất lúa, muốn sản xuất có lãi quy mô diện tích của mỗi nông hộ phải trên 5.000 m<sup>2</sup>.

- Về năng lực sản xuất của hộ: Trong điều kiện hiện tại, mỗi hộ gia đình ở Sóc Trăng có từ 2,5- 3,5 lao động, phương thức canh tác theo kiểu sản xuất hàng hoá được xác lập. Hộ gia đình có thể tự tổ chức lao động bằng lao động gia đình hay lao động làm thuê. Hình thức thuê lao động cùng làm trên đất đai của gia đình và làm thuê cho người khác khi gia đình không có việc mang tính phổ biến. Nếu ở các tỉnh phía Bắc hình thức đối công trực tiếp là phổ biến thì ở các tỉnh phía Nam thuê mượn lao động là phổ biến vì vậy trên phương diện này trong điều kiện hiện tại mỗi gia đình có thể đảm nhận được lượng công việc cho quy mô từ 3- 5 ha.

- Về thu nhập: Với mức năng suất từ 4- 4,5 tấn /ha /vụ, thu nhập từ 1.000m<sup>2</sup> trồng lúa có thể tạo ra mức thu nhập đủ chi dùng ở mức độ chung bình cho 1 nhân khẩu.

Với những cơ sở xem xét trên chúng ta có thể thấy rằng: Các vấn đề chủ yếu để xem xét lượng đất đủ hay thiếu là khả năng đảm bảo đời sống từ đất trong điều kiện sản xuất nông nghiệp là chủ yếu và hiệu quả của sử dụng đất ở quy mô gia đình. Với căn cứ thứ nhất ta có mức 1.000m<sup>2</sup> cho nhân

khẩu, với căn cứ thứ 2 ta có mức 5.000m<sup>2</sup> cho 1 hộ. Tổng hợp hai căn cứ chúng ta có mức 5.000m<sup>2</sup> cho 1 hộ là mức đủ đất và hộ thiếu đất là hộ có dưới 5.000m<sup>2</sup>. Chúng ta có thể cho rằng đây là con số hợp lý vì bình quân hộ ở Sóc Trăng thường là 5 khẩu.

Như vậy chúng ta có khái niệm hộ nông dân thiếu đất sản xuất nông nghiệp như sau: Đó là những hộ làm nông nghiệp là chủ yếu, đất đai thuộc quyền sử dụng của hộ dưới 5.000m<sup>2</sup> hiện tại khi điều tra và xử lý kết quả điều tra chúng tôi dựa vào quan niệm vì (hộ thiếu đất là hộ có dưới 2.000m<sup>2</sup>) nhưng theo chúng tôi quan niệm về hộ nông dân cần phải thay đổi trong điều kiện có thể của Sóc Trăng quan niệm như trên là có cơ sở khoa học.

## **2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của Sóc Trăng ảnh hưởng đến biến động đất đai của hộ nông dân.**

Sóc Trăng là tỉnh mới được tái lập vào tháng 4 năm 1992 nằm cuối lưu vực sông Hậu, có bờ biển dài 72km<sup>2</sup>, tổng diện tích tự nhiên 322.330km<sup>2</sup>, dân số 1.172.404 người, mật độ dân số 363,7 người/km<sup>2</sup> trong đó dân tộc Khmer có 338.269 người (số liệu thống kê năm 1999). Sóc Trăng có đặc điểm nổi bật sau ảnh hưởng đến sự vận động của đất đai và giải quyết việc làm.

- Do vị trí địa lý của Sóc Trăng hình thành một cách tự nhiên 3 vùng sinh thái ngọt, lợ, mặn với những thuận lợi khó khăn trong phát triển kinh tế-xã hội nói chung, nông nghiệp nông thôn nói riêng.

+ Về thuận lợi: Điều kiện tự nhiên cho phép Sóc Trăng vừa phát triển nông nghiệp vừa phát triển thủy hải sản tạo điều kiện giải quyết vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập, tạo ra các khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh từ mặt trái của tình trạng hộ nông dân không đất và thiếu đất trong phạm vi của tỉnh: Như xây dựng các cơ sở nuôi trồng thủy sản (tôm, cua, ngêu...)

đánh bắt hải sản và đặc biệt còn khoảng 8.000ha đất đai ven biển có thể trồng cây lâm nghiệp làm nhiệm vụ phòng hộ.

+ Về khó khăn: Diện tích nhiều, sau khi tách tỉnh năm 1992 phần lớn trong số 261.549 ha đất nông nghiệp có tới 65,04% bị phèn mặn, nhiễm mặn và đất phèn, trong đó có tới 64.000 ha đất trồng lúa 2 vụ. Với tình trạng đất đai như trên, ngành trồng trọt chủ yếu là trồng lúa năng xuất thấp các cây trồng khác rất khó khăn phát triển, khả năng chuyển đổi cơ cấu cây trồng là rất khó khăn. Bản thân ngành trồng lúa muốn tăng năng xuất phải có sự đầu tư rất lớn xây dựng các công trình thủy lợi ngăn mặn, thau phèn, rửa mặn. Trên thực tế 12 năm qua Sóc Trăng đã có nhiều đầu tư cho thủy lợi, nhưng diện tích phèn mặn vẫn còn lớn. Có lẽ đây là một trong các nguyên nhân cơ bản kém cho hiệu quả của sản xuất nông nghiệp thấp, nhất là đối với các hộ có quy mô sản xuất nhỏ. Vì vậy những hộ không đất và thiếu đất có xu hướng tăng nhanh.

- Sóc Trăng là tỉnh đông dân (năm 1992 là 1.121.828 người; năm 2003 là 1.243.982 người. Dân tộc kinh chiếm 65,28%; Khmer chiếm 28,85%; Hoa chiếm 5,83%; ). Với những đặc thù trong sản xuất và sinh hoạt đa số người Khmer có trình độ sản xuất, trình độ văn hóa và trình độ tổ chức đời sống thấp. Vì vậy phần đông người Khmer thuộc diện nghèo và số hộ nông dân không đất và thiếu đất cũng chủ yếu là người Khmer. Trong tình trạng đó giải quyết những mặt trái do thiếu đất và không đất ở Sóc Trăng sẽ rất khó khăn hơn các tỉnh khác. Khảo sát phong tục tập quán của người Khmer ở Sóc Trăng:

Người Khmer phân đông định cư ở địa bàn xa thị xã, thị trấn không ở trực giao thông 2 sông lớn nhà cửa quy tụ theo hình “Khu óc” nhà nọ liền sát nhà kia nên phần lớn không trồng trọt hay chăn nuôi, nên không có thu nhập thêm. Lo cuộc sống gia đình chủ yếu là do tay người phụ nữ kể cả việc đồng áng. Người đàn ông chú trọng việc nhà chùa, phum sóc. Phần lớn họ sản xuất

thuần nông, ngành nghề phụ thuộc rất ít, chủ yếu là nghề dệt truyền thống. Vì vậy khi sản xuất gặp những bất thường người Khmer khó gượng được và việc bán đất để sống là điều tất yếu.

Người Khmer gần như 100% theo đạo phật. Họ ảnh hưởng khá nặng nề về luật nhân quả của đạo phật. Cái chết là về cái vĩnh hằng về với phật còn cuộc đời là bể khổ, sống với đời thường là tạm bợ, sống với nhà chùa mới là chủ yếu. Nhìn chung trên chùa để thờ ông bà còn nhà đang ở chỉ là nhà tạm. Vì vậy tình trạng nhà ở chủ yếu là nhà chòi, “nhà đập” một phần do điều kiện kinh tế khó khăn, mặt khác là do quan niệm sống trên chi phối.

Với các đặc điểm trên, năm 1996 trong kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 1996-2000 tỉnh Sóc Trăng đã xây dựng “chương trình phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc Khmer tỉnh sóc Trăng”. Nhưng cho đến nay chương trình này triển khai chậm kết quả còn hạn chế. Bên cạnh đó còn có dự án “nâng cao năng lực và tạo môi trường thuận lợi do cơ quan phát triển Canada tài trợ”. Ngoài ra nhờ sự nỗ lực trung của các ngành các cấp cũng như các hộ dân nghèo, trong thời gian qua tỉnh Sóc Trăng đã đạt được những kết quả đáng khích lệ: Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng bình quân 10,84%/năm, thu nhập bình quân đầu người từ 137 USD/người/năm (1992) tăng lên 389 USD (năm 2003). Tỷ lệ nghèo giảm từ 64% (năm 1992) xuống còn 23,31% (năm 2003). Nhưng số nghèo đói đó lại hầu hết rơi vào các hộ dân tộc Khmer. Chúng ta thấy rằng: Động chạm đến phong tục tập quán trong điều kiện học vấn phổ thông thấp là hết sức khó khăn và cần có thời gian, hoặc có một điều kiện vật chất đủ mạnh để tạo ra sức đột phá, mới có thể giải quyết các vấn đề một cách có hiệu quả. Đây là điều cần được đặc biệt lưu ý khi đưa ra các giải pháp giải quyết các vấn đề không đất và thiếu đất sản xuất ở địa phương có số người Khmer đông như ở Sóc Trăng.

- Sóc Trăng là tỉnh mới tái lập. Cũng giống như các tỉnh khác khi nhập thành tỉnh lớn, nhưng tỉnh ấy không phải là nơi cơ quan tỉnh làm việc, nên

các vùng thuộc Sóc Trăng, thậm trí cả thị xã Sóc Trăng không được ưu tiên đầu tư. Vì vậy khi tái lập, tỉnh đã phải đầu tư khá lớn để xây dựng các cơ sở hạ tầng, đặc biệt là đường giao thông của tỉnh. Nhìn chung giao thông chỉ mới ổn ở các tuyến đường chính. Trong bối cảnh đó, giao lưu kinh tế nâng cao các điều kiện vật chất, tinh thần có nhiều hạn chế.

### **3. Thực trạng hộ nông dân không đất và thiếu đất sản xuất nông nghiệp ở Sóc Trăng.**

#### ***3.1. Khái quát tình hình:***

Hộ nông dân không đất và thiếu đất là hiện tượng kinh tế - xã hội từ lâu ở Sóc Trăng theo kết quả điều tra năm 1994 ở Sóc Trăng có 3.668 hộ nông dân không đất chiếm 2,62% tổng số hộ nông nghiệp, có 3048 hộ thiếu đất sản xuất chiếm 2,18 %; năm 1997 tăng lên 9.900 hộ không đất chiếm 6,58% số hộ thiếu đất sản xuất là 20.802 chiếm 13,83% tổng số hộ nông nghiệp nông thôn; đến năm 1998 số hộ không đất toàn tỉnh đã tăng lên đến 12.472 hộ chiếm 8,29% số hộ nông thôn (trong đó có 9.900 hộ nông nghiệp không đất chiếm 6,7% hộ nông nghiệp toàn tỉnh, đến năm 2003 toàn tỉnh đã có 35.000 hộ không đất, thiếu đất sản xuất trong đó 11.289 hộ là dân tộc Khmer) thực chất còn lớn hơn nhiều, vì có trường hợp không đất nhưng sổ địa chính vẫn còn, do hộ không báo cho chính quyền. Đối với các hộ thiếu đất cũng ở trong tình trạng tương tự .

Mặt dù, tuy chưa có con số thật chính xác, nhưng các con số và cả những kết quả phỏng vấn về định tính đối với nông dân Khmer và cán bộ các cấp đều cho thấy có sự tăng số hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất để sản xuất nông nghiệp và ở mỗi địa phương có sự diễn biến khác nhau.

Đánh giá về tình hình này mọi người đều thống nhất cho rằng: Đây là hiện tượng kinh tế xã hội diễn ra trong điều kiện của sản xuất hàng hoá và chịu sự tác động của nhiều nguyên nhân. Tuy là hiện tượng kinh tế xã hội

mang tính khách quan và trước mắt chưa đặt ra những vấn đề nghiêm trọng, nhưng nếu không tìm hiểu rõ thực chất và có những biện pháp tác động kịp thời sẽ nảy sinh những vấn đề kinh tế xã hội sâu sắc. Bởi vì, hộ nông dân không đất và thiếu đất ở Sóc Trăng chủ yếu là dân tộc Khmer, là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tình hình không ổn định. Đây là quyết định có tính khái quát, vì phạm vi khảo sát hẹp nên không có sự đánh giá cụ thể sự tác động của các nguyên nhân, cũng như thực trạng cụ thể của từng nhóm hộ trên phạm vi toàn tỉnh .

### ***3.2. Thực trạng hộ nông dân Khmer không đất qua kết quả điều tra ở phum Bung Cóc- xã Phú Mỹ- huyện Mỹ Tú.***

Đây là địa phương có rất đông người Khmer sinh sống, đối tượng chủ yếu là hộ nông dân Khmer không đất . Kết quả điều tra cho thấy: Toàn xã Phú Mỹ có tổng số hộ là 2.740 hộ trong đó hộ nông dân Khmer có 2.507 hộ chiếm 91,4%, toàn xã có diện tích đất tự nhiên 3.817 ha trong đó đất nông nghiệp là 3.061 ha, trong đó đất trồng lúa cũng là 3.061 ha. Qua điều tra khảo sát đây là xã thuần nông nghiệp, năng suất lúa đạt 4,9 tấn/ ha, sản lượng lúa cả xã là 14.998,9 tấn. Trong đó 40 ha nằm trong diện chuyển dịch cơ cấu giống có năng suất cao theo mô hình 3 giảm 3 tăng.

Toàn xã có tổng số hộ nghèo là 1.082 hộ chủ yếu là hộ người Khmer, trong đó 748 hộ không có đất sản xuất nông nghiệp, toàn xã có 357 hộ bức xúc về nhà ở; có 963 hộ thiếu vốn sản xuất và 29 hộ nông dân Khmer không đất nền nhà. Khác với những năm trước đây tình hình diễn biến của hộ nông dân không đất đã được xã lưu tâm kiểm soát tình hình, nắm trắ số lượng. Tuy đã có sự đánh giá thống nhất tình hình hộ không đất, nhưng chưa có một giải pháp gì khả dĩ để nhằm ngăn chặn hiện tượng cầm cố đất diễn ra rất phức tạp tại xã.

+ Khảo sát các nguyên nhân không đất chúng ta thấy: 748 hộ không đất sản xuất nông nghiệp trong đó 621 hộ là người Khmer nguyên trước đây

năm 1975 đã có đất để sản xuất, tức là tài sản có giá nhất trong gia đình họ, nhưng trong quá trình sản xuất, do thiếu kiến thức sản xuất nên năng suất thấp thu nhập thấp, cuộc sống bấp bênh vì vậy số gia đình trên gặp phải biến cố bất thường là đem ruộng đất đi cầm cố với giá 2 triệu đồng/ công. Cầm cố đến khi nào có tiền thì có thể chuộc lại được . Đây là nguyên nhân không đất ngoài ý muốn của hộ nông dân Khmer ở xã Phú Mỹ.

Điều tra khảo sát tại ấp Bưng Kóc, cả ấp có 672 hộ trong đó hộ nông dân Khmer là 577 hộ, số hộ Khmer trong ấp có dưới 2000 m<sup>2</sup> là 177 hộ, số hộ nông dân Khmer không đất sản xuất là 169 hộ. Qua điều tra thấy được 44 hộ do không có đất sản xuất là trước đây có ruộng nay sang nhượng cho người khác chiếm 20% tổng số hộ không đất sản xuất. Số hộ đang cầm cố là 32 hộ chiếm 18,9%. Nguyên nhân do tách hộ là 37 hộ chiếm 21,8%. Do các nguyên nhân khác là 56 hộ chiếm 33,1%. Qua trên chúng ta thấy nguyên nhân sang nhượng và cầm cố chiếm tỷ lệ lớn; điều đó chứng tỏ rằng các hộ nghèo khi gặp biến cố lớn trong gia đình thì chỉ còn việc bán và cầm cố ruộng đất. Để giải quyết tình trạng này chỉ có thể tiến hành công cuộc xoá đói giảm nghèo liên tục và phải có chỉ đạo sát sao.

Tại ấp **Đại Vĩ** có tất cả 136 hộ không đất sản xuất nông nghiệp thì 136 hộ đều là người Khmer với 673 khẩu, bình quân mỗi hộ là 5 khẩu. Nguyên nhân không đất do sang nhượng là 45 chiếm 33% tổng số hộ không đất, do cầm cố là 34 hộ chiếm 18,3%, do tách hộ là không có, do các nguyên nhân khác là 57 chiếm 41,9%. Qua số liệu trên chúng ta thấy nguyên nhân sang nhượng và cầm cố vẫn là nguyên nhân chính làm cho người nông dân Khmer không đất sản xuất nông nghiệp.

Tại ấp Bắc Dầu tổng số hộ nghèo không đất là 62 hộ trong đó 61 hộ là người Khmer chiếm tuyệt đối đa số là người không đất sản xuất. Nguyên nhân không đất do sang nhượng là 33 hộ chiếm 53,2%; do cầm cố là 3 hộ chiếm 4,8%; do tách hộ là 14 hộ chiếm 22,5%. Qua trên chúng ta thấy các

hộ không đất hầu hết là hộ nông dân Khmer. Nguyên nhân chính vẫn là do sang nhượng chiếm phần lớn của tất cả các nguyên nhân.

Tại ấp Sóc Xoài có 88 hộ không đất thì 100% hộ là nông dân Khmer với 413 khẩu. Nguyên nhân không đất sản xuất do sang nhượng là 41 hộ chiếm 46,59%; do cầm cố là 5 hộ chiếm 5,68%; do các nguyên nhân khác là 24 hộ chiếm 27,2% tổng số hộ không đất sau sản xuất. Qua trên chúng ta thấy rằng nguyên nhân không đất sản xuất do sang nhượng và tách hộ chiếm đa số.

Tại ấp Tá Biên có 114 hộ không đất sản xuất thì có 113 hộ là nông dân Khmer chiếm gần như 100% số hộ không đất sản xuất, với 533 khẩu. Nguyên nhân không đất sản xuất do sang nhượng là 60 hộ chiếm 52,6% tổng số hộ không đất sản xuất. Nguyên nhân không đất sản xuất do cầm cố là 28 hộ chiếm 24,56% tổng số hộ không đất. Nguyên nhân không đất do tách hộ là 26 hộ chiếm 22,8% tổng số hộ không đất. Qua trên chúng ta thấy rằng nguyên nhân chính do sang nhượng và cầm cố là chủ yếu.

Tại ấp Bét Tôn có 79 hộ nghèo không đất sản xuất, trong đó có 66 hộ là nông dân Khmer chiếm 83,5%; điều đó chứng tỏ số hộ nông dân Khmer không đất vẫn chiếm tuyệt đại đa số. Khảo sát nguyên nhân không đất chúng ta thấy: Có 18 hộ do sang nhượng chiếm 22,7% tổng số hộ không đất sản xuất; có 52 hộ do cầm cố chiếm 65,8% tổng số hộ không đất sản xuất; có 8 hộ do tách hộ chiếm 10,1%; nguyên nhân khác là 1 hộ.

### ***3.3. Kết quả điều tra khảo sát tại xã An Ninh, huyện Mỹ Tú.***

#### ***3.3.1. Cơ cấu đất sản xuất của xã.***

Toàn xã có tổng diện tích đất trồng lúa là 5.584 ha, năng suất đạt 4,8 tấn/ha, sản lượng đạt 26.803 tấn.

Diện tích chuyên canh màu là 203 ha, quy hoạch vùng lúa mùa bổ xung thêm 60 ha màu xuống chân ruộng. Diện tích vườn ăn quả toàn xã là



42,73 ha, diện tích vườn tạp toàn xã là 86,72 ha phần lớn nông dân trồng tre và bạch đàn.

Diện tích nuôi trồng thủy sản toàn xã là 90 ha.

Nhìn chung xã An Ninh có thế mạnh là trồng lúa và nuôi trồng thủy sản.

### 3.3.2. Đất sản xuất của hộ nghèo.

Tổng số hộ nghèo trên địa bàn trên xã là 686/2.577 hộ. Trong đó có 451 hộ Khmer chiếm 65,74% tổng số hộ nghèo toàn xã.

Trong tổng số 367 hộ nghèo không đất thì nông dân Khmer có 229 hộ chiếm 62,39%, nguyên nhân do sang nhượng là 121 hộ chiếm 32,29%; do cầm cố 42 hộ chiếm 11,4%; do tách hộ là 103 hộ chiếm 28,06%; lý do khác là 100 hộ chiếm 27,24%. Trong đó có các áp điển hình sau:

**Ấp Phú Minh:** Cả ấp có 36 hộ không đất sản xuất thì có 35 hộ là nông dân Khmer chiếm gần 100%. Trong đó nguyên nhân không đất sản xuất do sang nhượng là 10 hộ chiếm 27,77%; do cầm cố là 5 hộ chiếm 13,88%; tách hộ là 5 hộ chiếm 13,88%; do các nguyên nhân khác là 16 hộ chiếm 44,4 %.

**Ấp Xà Lan:** Có 57 hộ không đất sản xuất thì đã có 55 hộ là nông dân Khmer chiếm 96,49% tổng số hộ không đất sản xuất nông nghiệp của ấp. Nguyên nhân không đất sản xuất do: Sang nhượng là 17 hộ chiếm 29,8%; cầm cố là 8 hộ chiếm 14%; tách hộ là 22 hộ chiếm 38,5%; do nguyên nhân khác là 10 hộ chiếm 17,54%.

**Ấp Châu Thành:** Tổng số hộ không đất là 129 hộ trong đó hộ Khmer không đất là 50 hộ chiếm 38,75%. Nguyên nhân không đất do sang nhượng là 26 hộ chiếm 20,15%; cầm cố là 18 hộ chiếm 13,95%; tách hộ là 41 hộ chiếm 31,78%; do nguyên nhân khác 44 hộ chiếm 34,1%.

Ấp Chông Nô: có 48 hộ không đất sản xuất thì 48 hộ là nông dân Khmer chiếm 100%. Nguyên nhân không đất sản xuất do: Sang nhượng là 23 hộ chiếm 47,9%; do cầm cố là 9 hộ chiếm 18,75%; tách hộ là 9 hộ chiếm 18,75% và do các nguyên nhân khác là 7 hộ chiếm 14,55%.

Qua các kết quả khảo sát trên chúng ta thấy được một điều rất nổi bật là: Trong các nguyên nhân dẫn đến không đất sản xuất là sang nhượng, cầm cố. Khảo sát các nguyên nhân cho thấy có tới 98,8% nguyên nhân không đất ngoài ý muốn của hộ nông dân Khmer. Trong đó số hộ nông dân Khmer không đất do các nguyên nhân trực tiếp từ hộ nông dân chiếm tới 63,6%; do các nguyên nhân khách quan là 35,2%.

Đi sâu vào các nguyên nhân chúng ta thấy nguyên nhân chuyển nhượng, cầm cố hết, ốm đau, tai nạn là những nguyên nhân tác động chủ yếu.

Về nguyên nhân sang nhượng (thực tế là bán). Đây là nguyên nhân chiếm tỷ lệ lớn trong các nhóm nguyên nhân ở xã Phú Mỹ chiếm 26% tổng số hộ không đất, ở xã An Ninh chiếm tới 31,21%. Đối với các nguyên nhân này, đó là sự diễn ra giữa hộ A (hộ nhường đất) đối với hộ B (hộ được cấp đất). Về thực chất, sau khi có quyết định 54 về trả con lợi cho chủ cũ đành phải bán đất.

Về nguyên nhân cầm cố hết đất: Đây cũng là nguyên nhân có số lượng tương đương với nguyên nhân sang nhượng. Về thực chất cầm cố hết đất là nguyên nhân trực tiếp của không đất, trả lời vì lý do này thì các hộ đã tránh nói tới nguyên nhân thuộc về bản thân họ (chi tiêu không có kế hoạch, không có kinh nghiệm sản xuất, thiếu kiến thức sản xuất...). Đây là điều chú ý khi đánh giá, bởi các đặc điểm của người Khmer mà chúng ta đã đề cập ở phần I. Kinh nghiệm sản xuất thiếu, chi tiêu không có kế hoạch, đông con, ốm đau, tai nạn, mùa màng thất bát và hậu quả cuối cùng là cầm cố ruộng đất.

Về nguyên nhân tách hộ cũng chiếm một tỷ trọng lớn và có xu hướng ngày càng tăng. Vì quỹ đất đai có hạn, các gia đình trẻ xuất hiện ngày càng nhiều (hậu quả của tốc độ tăng dân số trước đây).

### **3.3.3. Nguyên vọng của các hộ không đất.**

Qua điều tra khảo sát tại hai xã Phú Mỹ và An Ninh, huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng tổng số hộ không đất sản xuất nông nghiệp của hai xã là 1.025 hộ trong đó có 650 hộ là nông dân Khmer.

Nguyên vọng được cấp lại đất sản xuất là 473 hộ, nguyên vọng được cấp bổ trợ vốn sản xuất kinh doanh là 470 hộ, nguyên vọng giải quyết việc làm là 42 hộ và hỗ trợ dạy nghề là 42 hộ.

Qua các nguyên vọng trên ta thấy có hai nguyên nhân nổi trội đó là nguyên vọng cấp lại đất sản xuất và hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh.

### **3.3.4. Các điều kiện sản xuất và hoạt động sản xuất của hộ không đất.**

Đối với hộ nông dân Khmer không đất, tài sản quý giá nhất của họ là sức lao động. Có một bộ phận nhỏ hộ nông dân không đất có đất vườn, nhưng diện tích ít, đất bị chua phèn nên hầu như không được khai thác, một số có các phương tiện đánh bắt cá thô sơ như lưới. Không ruộng đất, không đất thổ cư,...nên không có khả năng phát triển chăn nuôi heo, gà, vịt...vì vậy lao động của nông dân Khmer không đất là lao động làm thuê, khảo sát tại xã Mỹ Tú thì gần như 100% số lao động của các hộ không đất là đi làm thuê để kiếm sống.

Khi điều tra tại ấp Bung Cóc số lao động chính tham gia đi làm thuê gần như 100%, con số ngoài tuổi lao động tham gia các hoạt động làm thuê cũng đáng kể. Về nguyên tắc, lao động làm thuê được tính là lao động nông nghiệp phải là những người làm thuê trong nông nghiệp, vì vậy các lao động làm thuê của các hộ không đất chủ yếu làm các công việc đồng áng tại địa phương như gieo cấy, làm cỏ, bón phân, thu hoạch (đặc biệt là làm cỏ và thu

hoạch); một số đi xa hơn đến các vùng nuôi thủy sản ven biển, một số lao động đi làm mướn cho các công việc làm đất, tưới nước, một số ít ngoài làm thuê trong nông nghiệp còn kiêm các ngành khác như bán vé số, khâu vá. với cơ cấu lao động như trên, hoạt động sản xuất của hộ nông dân không đạt chủ yếu diễn ra ở ngoài gia đình dưới hình thức làm thuê. Tuy nhiên có một số hộ nuôi lợn (nuôi heo) nhưng không hiệu quả.

+ Về thu nhập và đời sống của hộ nông dân không đạt.

Với thực trạng về lao động và các hoạt động sản xuất như trên, thu nhập của hộ nông dân không đạt thấp không ổn định và phụ thuộc vào các hoạt động làm thuê. Về hoạt động làm thuê như phần trên đã đề cập, lao động làm thuê của hộ nông dân không đạt chủ yếu trong nông nghiệp với các công việc làm cỏ, thu hoạch là chủ yếu. Vì vậy sức thu hút lao động kém, việc làm không ổn định. Theo kết quả điều tra: Số ngày làm thuê bình quân lao động/năm (1997) từ 75-90 ngày (tùy theo từng nhóm lao động). Thu nhập từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng/ngày. Đến năm 2003 số ngày làm thuê trung bình từ 60- 80 ngày và thu nhập là từ 15.000 đồng đến 25.000 đồng/ngày, so với năm 1997 thì số ngày công giảm đi nhưng thu nhập cao hơn 5.000 đồng/ngày (tùy theo công việc, loại lao động, phương thức nhận thuê bao: lấy tiền toàn bộ, cao hơn có ăn một bữa trưa). Về thực chất mức trả công lao động như trên là hợp lý, vì thuần túy là lao động thủ công và cường độ lao động ở mức chấp nhận đối với hộ nông dân không đạt, trước đó cũng có một ít đất, do không có vốn, không có kinh nghiệm sản xuất nên làm ăn không có hiệu quả, vì thế khi đi làm thuê thấy có thu nhập cao hơn. Tuy nhiên, trong điều kiện số hộ không đạt ngày càng tăng làm cho đội quân làm thuê càng tăng theo. Trên thực tế, sức hút lao động ngày càng giảm và khả năng còn tiếp tục giảm vào những năm tới nếu không có những biện pháp hữu hiệu. Vì vậy thu nhập của hộ nông dân không đạt theo số liệu điều tra năm 1997 bình quân thu nhập của hộ không đạt là 57.900 đồng /tháng, còn

theo số liệu khảo sát năm 2003 tại ấp Bưng Cóc, xã Phú Mỹ thì bình quân hộ không đất thu nhập là 66.580 đồng. Do thu nhập thấp, đa số hộ nông dân Khmer không đất không đủ ăn, một số hộ nông dân phải bán trước sức lao động với giá rẻ hơn dưới hình thức lấy tiền trước, làm thuê sau (thường thấp hơn từ 5.000 đồng- 15.000 đồng/ngày) làm cho thu nhập càng thấp hơn.

Trong số các hộ không đất, nếu chênh lệch thu nhập giữa các nhóm hộ tương đối lớn, hộ chuyên làm thuê có thu nhập 75,6 ngàn đồng/khẩu/tháng, trong khi các hộ nông nghiệp kiêm ngành nghề có thu nhập là 92,3 ngàn đồng/khẩu /tháng.

Về các hoạt động khác: Ngoài làm thuê, hộ nông dân Khmer không đất còn làm các nghề của nông nghiệp như chăn nuôi gia đình, đánh bắt thủy sản. Các hoạt động này mang lại thu nhập cao hơn làm thuê 92,3 ngàn đồng /khẩu/tháng. Nhưng số hộ tham gia các hoạt động này chiếm tỷ trọng nhỏ và thu nhập càng không ổn định. Đối với các hộ Khmer nông nghiệp kiêm ngành nghề, mức thu nhập cao hơn, nhưng tỷ trọng hộ tham gia hoạt động ngành nghề còn ở mức độ thấp hơn nhiều trong tổng số hộ khẩu của các hộ nông dân Khmer không đất.

Với mức thu nhập như trên, các hộ chỉ đủ dùng cho nhu cầu ở mức tối thiểu, nhiều hộ thu không đủ chi dùng hàng ngày. Đi sâu vào cơ cấu chi tiêu ta thấy chi cho ăn uống, hút chiếm tỷ trọng lớn 80,56% tổng chi tiêu, cho cho các hoạt động khác, đặc biệt là chi cho giáo dục và văn hoá rất thấp với tỷ lệ không đáng kể (chi cho giáo dục 0,72%, văn hoá 0,01%) các nhu cầu về xây dựng nhà ở, học tập của con cái, sắm sửa các tiện nghi sinh hoạt cần thiết đều không được đáp ứng. Hậu quả là các hộ nông dân Khmer không đất đều ở trong các nhà lợp lá, các nhà lợp tôn, các phương tiện sinh hoạt tối thiểu ở mức độ thấp, số học sinh bỏ học nhiều, trình độ học vấn phổ thông thấp.

Như vậy hộ nông dân Khmer không đất sản xuất nông nghiệp, tuy là hiện tượng kinh tế xã hội diễn ra từ quy trình tích tụ và tập trung ruộng đất, một hiện tượng kinh tế xã hội tất yếu của quá trình chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hoá. Nhưng ở Sóc Trăng đã diễn ra quá mức bình thường cho phép. Vì vậy những mặt trái từ hiện tượng này diễn ra tương đối gay gắt trong đó vấn đề giải quyết việc làm để nâng cao thu nhập đặt ra một cách cấp thiết.

#### **4. Thực trạng hộ nông dân Khmer thiếu đất qua kết quả điều tra.**

Theo quy định chung, hộ nông dân thiếu đất là hộ nông dân có dưới 2000m<sup>2</sup>. Vì vậy cuộc điều tra điểm cũng tập trung vào các hộ theo tiêu thức đó. Kết quả điều tra mẫu tại ấp Bưng Cóc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú cho thấy: Có 10% tổng số hộ điều tra là hộ nông dân Khmer thiếu đất. So với số điều tra năm 1997 số hộ thiếu đất chiếm 17,7% và năm 1994 là 12,8% số hộ thiếu đất trong toàn tỉnh thì thấy rằng số hộ nông dân Khmer thiếu đất chiếm phần lớn trong các hộ thiếu đất ở Sóc Trăng.

Về nguyên nhân thiếu đất: Mức độ biểu hiện rõ nét nhất của đợt khảo sát mẫu cho thấy do tách hộ, bố mẹ chia cho chỉ được vậy, đó là nguyên nhân đậm nét nhất mang tính phổ biến.

- Về điều kiện sản xuất và hoạt động sản xuất của hộ thiếu đất.

Điều kiện sản xuất của hộ thiếu đất cũng không có sự khác biệt và chênh lệch nhiều so với hộ không đất sản xuất nông nghiệp. Bởi vì ở Sóc Trăng dưới 2000m<sup>2</sup> cũng được coi như không đất. Trong thực tế, các hộ có dưới 2000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thì một phần là đất vườn (hiện nay đồng bào Khmer sử dụng không có hiệu quả).

Tư liệu sản xuất của nhóm hộ Khmer thiếu đất càng nghèo nàn, giá trị tư liệu sản xuất mua sắm hàng năm không đáng kể, theo số liệu điều tra mẫu năm 2003 thì bình quân một hộ mua sắm 75,5 ngàn đồng, còn số liệu điều

tra năm 1997 thì bình quân chỉ 43,5 ngàn đồng, chủ yếu là giá trị của các công cụ thủ công. Vốn sản xuất tự có của các hộ nông dân Khmer thiếu đất rất ít ỏi, có tới 100% số hộ thiếu đất có nhu cầu vay vốn, nhưng không được đáp ứng. Chỉ có 30,33% số hộ có nhu cầu vay vốn được vay, lượng vay ít thời hạn và thời điểm vay không phù hợp và các thủ tục thế chấp rất phiền phức.

Về lao động: Bình quân số lao động trong độ tuổi của nhóm hộ thiếu đất trong các hộ điều tra mẫu tại ấp Bung Cóc xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú là 2,8 lao động. Số hộ có nhiều lao động là một trong những điều kiện thuận lợi để tìm kiếm việc làm và tăng thu nhập cho gia đình.

Nhìn chung, các điều kiện sản xuất của nhóm hộ thiếu đất gặp rất nhiều khó khăn, quá ít đất, các tư liệu sản xuất không đáng kể, thiếu vốn sản xuất, có sức lao động nhưng trình độ văn hoá phổ thông và kiến thức về khoa học kỹ thuật thấp, không có tay nghề, chủ yếu dựa vào lao động thủ công, lao động giản đơn với những kinh nghiệm ít ỏi được tích lũy trong cuộc sống sản xuất hàng ngày.

- Về thu nhập và đời sống của hộ nông dân Khmer thiếu đất.

Do điều kiện sản xuất rất thấp kém cho nên việc tổ chức sản xuất của hộ quá ít đất rất đa dạng, họ vừa làm nghề nông trên phần đất rất ít ỏi của mình, vừa kiêm làm thuê, kiêm ngành nghề hoặc dịch vụ và chuyên làm thuê nhằm tìm kiếm thêm việc làm và tăng thu nhập theo kiểu “năng nhặt chặt bị”. Bình quân thu nhập của các hộ thiếu đất ở ấp Bung Cóc, xã Phú Mỹ là 84,4 ngàn đồng/người/tháng. Đi sâu vào các nhóm hộ chúng ta cũng thấy được sự khác nhau về thu nhập, các hộ thuần nông có thu nhập thấp hơn các hộ thiếu đất làm thêm ngành nghề phụ. Nếu so sánh ở trong vùng hộ dân tộc Khmer thiếu đất có mức thu nhập chỉ bằng 80,36% mức thu nhập của hộ dân tộc kinh thiếu đất. Đối với mức chi phí sản xuất thì hộ dân tộc Khmer thiếu đất chi phí chỉ bằng 66,11% mức chi phí sản xuất của hộ dân tộc kinh thiếu

đất. Điều này lý giải tính kém hiệu quả của sản xuất nông nghiệp trong điều kiện quy mô đất đai ít.

Từ mối quan hệ thu nhập và chi tiêu của nhóm hộ thiếu đất có thể rút ra một nhận xét là: Thu không đủ chi, giữa thu và chi còn mất cân đối nghiêm trọng. Nếu xét trên bình diện chung của các hộ điều ta thì thấy rằng: Với mức thu nhập bình quân đầu người hàng tháng là 88,4 ngàn đồng và mức chi là 100,96 ngàn đồng thì chi tiêu vượt thu nhập khá lớn, phần vượt chi sẽ lấy từ nguồn thu nhập nào để trang trải bù đắp cho khoản thiếu hụt trên. Tình thế đó buộc họ phải đi vay mượn, dẫn đến nợ nần và cuối cùng dẫn đến sang nhượng cầm cố mảnh đất nhỏ của mình và đẩy họ trở thành hộ quá ít đất hoặc không đất. Có thể nói ranh giới giữa hộ quá ít đất và không đất là quá mong manh. Một bộ phận đánh kể các hộ do thu nhập thấp, thu không đủ chi, đẩy họ vào cuộc sống túng bán. Một bộ phận khác năng động hơn, thu nhập khá giả hơn, song mỗi khi chịu sự tác động khách quan dẫn đến rủi ro bất ngờ cũng dễ bị xô đẩy vào tình trạng túng thiếu và buộc họ sang nhượng, cầm cố ruộng đất, trở thành hộ không đất.

### **5. Kết quả đánh giá nhanh nông thôn (RRA) tại ấp Bung Kóc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú:**

- Gia đình Ông Trần Hiệu dân tộc Khmer năm nay 68 tuổi, sinh sống ở đây từ rất lâu đời. Ông có 2 con và 4 cháu ngoại, đất ở của ông là 80m<sup>2</sup>, đất ruộng hiện nay không có. Trước năm 1975 có đất (nhưng diện tích không còn nhớ), sau năm 1975 có 10.000m<sup>2</sup>, từ năm 1990 đến năm 1996 cầm cố dần rồi bán (bán mỗi công 1 chỉ vàng). Nguyên nhân cầm cố là do Vợ bị bệnh kéo dài và bản thân ông cũng bị ốm, phải đi vay để chữa bệnh, không trả nổi dẫn đến nợ nần và cầm cố. Bản thân ông rất quý đất sản xuất và không muốn đi xa nơi chôn rau cắt rốn, quê hương ấp quán. Nguyên vọng muốn được Nhà nước cho vay chuộc lại một phần ruộng đất đã cầm cố, rồi sẽ



cố gắng sản xuất để trả dân, các cháu được đi học nghề như lái xe và xây dựng.

- Ông Sơn Thương và Bà Thạch Thị Hồng đều 40 tuổi, có 5 con hiện nay đang đi học cấp I và cấp II. Khi lập gia đình bố mẹ chia cho 400m<sup>2</sup> đất để làm vườn, hiện nay gia đình trồng rau, trồng ớt phục vụ chủ yếu cho gia đình, đất ruộng hiện nay không có nên hai vợ chồng chuyên đi làm mướn, mỗi ngày làm mướn được 20.000 đồng. Do thu nhập thấp, không đủ tiền cho con đi học nên đã cho 3 cháu đi làm nghề sửa chữa xe ô tô. Bản thân gia đình rất quý đất sản xuất. Nguyên vọng của gia đình là các con được đi học nghề và được Nhà nước cho vay một khoản vốn ưu đãi để nuôi bò và mua vài công đất để trồng cỏ.

- Bà Thạch Thị Sinh, đất ở do cha mẹ để lại là 700m<sup>2</sup>, đất sản xuất không có, do năm 1990 trả lãi chủ cũ. Hiện nay mẹ con đi làm mướn nên gia đình có nguyên vọng được vay vốn để nuôi bò và chuộc lại ít đất để trồng cỏ.

- Bà Lâm Thị Hiên, hiện nay ở nhờ đất của bác ruột, có 5 người con. Gia đình hiện giờ không có đất nông nghiệp để sản xuất, nên chủ yếu là đi làm mướn, 5 con hiện nay không có đứa nào có nghề nghiệp. Nguyên vọng của gia đình là các cháu được đi học nghề và được vay vốn để mua vài công đất để ở, trồng cỏ và nuôi bò.

- Hộ gia đình anh Lý Anh: Hiện nay gia đình không có đất ở, không đất sản xuất, gia đình có 3 khẩu, chuyên đi làm mướn, trước đây cũng không có đất. Gia đình rất quý đất muốn được nhà nước hỗ trợ vốn để vay và mua 1-2 công đất để sản xuất và nuôi bò. Đề nghị nhà nước hỗ trợ giống bò cho gia đình cũng như bà con Khmer.

- Hộ gia đình Thạch Sang, hiện nay gia đình có 3 con và bố mẹ. Gia đình không có đất ở, phải đi ở nhờ và không có đất sản xuất nên cả nhà phải đi làm mướn để sinh sống. Bản thân gia đình rất quý đất sản xuất. Nguyên

vọng được nhà nước cho vay vốn để mua vài công đất để ở và sản xuất. Gia đình rất thích nuôi bò, nếu có đất sẽ trồng cỏ nuôi bò. Các cháu trong gia đình rất muốn được đi học nghề lái xe, sửa chữa xe và đi học nghề xây dựng.

- Hộ gia đình Sơn Cang, có 6 con trong đó có 4 con trai, bản thân là thợ xây. Gia đình không có đất sản xuất, cả gia đình trông vào thu nhập của công việc đi xây, 2 cháu đi phụ nghề cho bố để xây nhà. Bản thân gia đình muốn có thêm vốn để kinh doanh xây nhà, kèm cặp dạy nghề xây cho con em Khmer trong ấp. Nguyễn vọng muốn có thêm vốn và được xây nhà theo các chương trình của nhà nước.

- Hộ gia đình Dương Sẻ, hiện nay 70 tuổi, nhưng rất tích cực lao động sản xuất, hiện có 3 công đất rẫy để trồng hoa màu, do biết sen canh gối vụ gia đình cũng thu nhập khá giả. Đất sản xuất đã chia hết cho 7 đứa con, nhờ noi gương bố, các con đều chịu khó làm ăn nên cuộc sống cũng đủ. Nguyễn vọng có vốn để kinh doanh.

- Hộ gia đình Trần Hản, hiện nay gia đình không có đất sản xuất, vốn trước đây gia đình đã không có đất, chuyên đi làm mướn. Nguyễn vọng của gia đình là được vay vốn để mua 1-2 công đất để sản xuất và nuôi bò và con được đi học nghề xây dựng.

**PHẦN III**

**CÁC GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT ĐẤT SẢN XUẤT**

**ĐỐI VỚI HỘ NÔNG DÂN KHMER KHÔNG ĐẤT Ở**

**SÓC TRĂNG**

**1. Những giải pháp của tỉnh Sóc Trăng đang thực hiện giải quyết đất sản xuất cho hộ nông dân Khmer không đất ở tỉnh như sau:**

***a) Giải quyết ruộng đất tạo điều kiện cho một bộ phận hộ nông dân Khmer không đất nhưng tha thiết với ruộng đất, muốn chuộc lại ruộng đất.***

- Giúp các nhóm sản xuất vay vốn, nhóm sản xuất hướng dẫn các hộ vay để chuộc lại ruộng đất đã cầm cố. Thông qua tổ chức này lo phân bón, lúa giống cho bà con các hộ nông dân không đất, chỉ sau 2 vụ sản xuất, nhóm sản xuất tình nguyện này đã giúp được các hộ trả 50% vốn vay.

- Giải quyết vấn đề ruộng đất bằng cách tạo ra quỹ đất mới, bằng cách khai hoang phục hoá các bãi bồi, ven sông, ven biển, đã khai phá 12.000 ha giao cho 993 hộ. Dự kiến đang xây dựng một dự án lấn biển với diện tích 15.000 ha để giải quyết cho các hộ không đất của tỉnh trong đó có hộ nông dân Khmer không đất.

***b) Giải quyết việc làm cho hộ nông dân Khmer không đất.***

Tỉnh Sóc Trăng đã xây dựng và đưa vào hoạt động nhiều nhà máy, như nhà máy bia, nhà máy gạch, đặc biệt là công trình nhà máy đường góp phần giải quyết một phần việc làm cho lao động nông thôn vùng đồng bào Khmer và giúp bà con tiêu thụ mía.

***c) Về chính sách xã hội.***

Ngoài hai giải pháp trên tỉnh còn quan tâm giải quyết các chính sách xã hội như: Xem xét giải quyết miễn giảm học phí cho con em hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất. Riêng ở bậc tiểu học được mượn sách giáo khoa, cấp vở học và miễn các khoản đóng góp khác, miễn thu lao động công ích, cấp thẻ giảm một phần viện phí và thẻ bảo hiểm y tế.

***d) Điều kiện để thực hiện các giải pháp trên.***

Để thực hiện các giải pháp trên tỉnh Sóc Trăng đã đưa ra giải pháp mang tính chất các điều kiện, bao gồm giải pháp về vốn đào tạo nghề, xây dựng hạ tầng nông thôn, đẩy mạnh công tác khuyến nông.

- Giải pháp về vốn: Vốn để hỗ trợ một bộ phận hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất nhưng tha thiết muốn có đất để sản xuất để vay để chuộc lại phần đất đã cầm cố, cần vốn để các hộ đi xây dựng kinh tế mới, khai hoang phục hoá theo chương trình 773, vốn của quỹ giải quyết việc làm, vốn để thực hiện xóa đói giảm nghèo 133, vốn 135, vốn vay phục vụ phát triển nông nghiệp, ngành nghề thủ công truyền thống, mở rộng các hoạt động dịch vụ.

- Đào tạo nghề, tư vấn và giới thiệu việc làm:

Mở các trung tâm dạy nghề, nhất là những nghề liên quan đến nông nghiệp và có chính sách ưu đãi đối với các hộ nông dân Khmer không có đất sản xuất nông nghiệp để tạo cho họ có thêm nghề khác ổn định.

- Xây dựng hạ tầng ở nông thôn.

Tỉnh Sóc Trăng là một trong những tỉnh coi trọng xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kinh tế- xã hội ở nông thôn như: Giao thông, điện nước, y tế, nhằm cải thiện những vùng đồng bào Khmer sinh sống nói riêng và vùng nông thôn của tỉnh nói chung.

- Tăng cường công tác khuyến nông khuyến ngư nhất là các hộ không có đất và thiếu đất:

Mở rộng mạng lưới khuyến nông, khuyến ngư phù hợp với trình độ, nhận thức của người nông dân Khmer để họ tự làm ăn, tự tổ chức sản xuất, tự vượt khó khăn, nhất là khuyến cáo về kỹ thuật canh tác, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi và tiêu thụ sản phẩm. Hướng dẫn phương pháp làm kinh tế đối với các hộ không đất được vay vốn ưu đãi, để họ sử dụng vốn vay đúng mục đích và có hiệu quả. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục nhằm thay đổi tập quán lạc hậu, tư tưởng ỷ lại, muốn bám trụ địa phương chấp nhận nghèo đói, giúp đồng bào nâng cao hiểu biết khoa học kỹ thuật sản xuất thâm canh cây trồng vật nuôi, kế hoạch làm ăn, giảm bớt rủi ro và hạn chế thiệt hại.

- Đổi mới hoàn thiện các chính sách kinh tế.

Tỉnh Sóc Trăng rất chú trọng đề cập các giải pháp kinh tế, đặc biệt nhấn mạnh các sách đầu tư, vốn cho xây dựng hạ tầng, chính sách tài chính và tín dụng đối với hộ nông dân không đất và thiếu đất, chính sách xã hội.

Trên đây là một số giải pháp đã và đang dự định thực hiện của tỉnh Sóc Trăng, có một số giải pháp đã triển khai và có một số kết quả bước đầu còn rất khiêm tốn, có những giải pháp mới nêu ra.

## **2. Các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về ruộng đất.**

Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng có chủ trương người cày có ruộng.

Từ sau ngày miền Nam giải phóng đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương chính sách giải quyết vấn đề ruộng đất liên quan đến các tỉnh Nam bộ.

- Chỉ thị số 235-CT/TW tháng 9 năm 1976 của Ban Chấp hành Trung ương về thực hiện nghị quyết của Bộ chính trị về ruộng đất ở miền Nam.

- Quyết định số 188-CP tháng 9 năm 1976 của Hội đồng Chính phủ về chính sách xoá bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột phong kiến ở miền Nam Việt Nam.

- Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư thực hiện công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động.

- Thông tư số 138-TT/TW ngày 11/11/1981 về việc áp dụng các hình thức khoán sản phẩm trong các tập đoàn sản xuất và các hợp tác xã nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ.

- Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 03/5/1983 của Ban Bí thư về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất.

- Chỉ thị số 60- HĐBT ngày 14/4/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành luật đất đai.

- Chỉ thị số 47 – CT/TW ngày 31/8/ của Bộ Chính trị về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất.

- Chỉ thị số 154- HĐBT ngày 11/10/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về việc triển khai Chỉ thị của Bộ Chính trị về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất.

- Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 5/4/1988 của Bộ chính trị khoá VI về đổi mới quản lý nông nghiệp.

- Quyết định số 13- HĐBT ngày 1/2/1989 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng giải quyết một số việc cần tiếp tục triển khai thực hiện để thi hành luật đất đai.

- Nghị định số 30- HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành luật đất đai.

- Luật đất đai ngày 24/7/1993.

- Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

- Nghị định số 02- CP ngày 15/1/1994 của Chính phủ về việc giao đất lâm nghiệp cho các tổ chức cá nhân, sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Các chương trình quốc gia về xoá đói giảm nghèo, về giải quyết việc làm, chương trình 327, 773, 133, 135 và 138. Văn kiện và các nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII, VIII liên quan đến vấn đề đất đai và phát triển kinh tế nông nghiệp- nông thôn.

Các văn bản của Đảng và Nhà nước là cơ sở pháp lý cần được nghiên cứu vận dụng khi đề xuất các khuyến nghị giải pháp.

### **3. Các khuyến nghị về giải quyết đất sản xuất nông nghiệp cho hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất ở Sóc Trăng.**

Hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất để sản xuất nông nghiệp là hiện tượng kinh tế- xã hội bắt nguồn từ rất nhiều nguyên nhân và đặt ra nhiều vấn đề phức tạp cần giải quyết. Để có được những giải pháp đúng đắn, đồng bộ kể cả tầm vĩ mô và vi mô, cả trước mắt và lâu dài nhằm giải quyết đất cho người nông dân Khmer ở Sóc Trăng nói riêng và cả tỉnh Sóc Trăng nói chung chúng ta cần thống nhất một số quan điểm sau:

### ***3.1. Dựa vào quan điểm hệ thống:***

Hiện tượng hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất sản xuất nông nghiệp do rất nhiều nguyên nhân gây ra. ở Sóc Trăng tuy mức độ biểu hiện của từng nguyên nhân có khác nhau, nhưng ở tỉnh đều xuất hiện các nguyên nhân đó. Việc phân tích và phân loại các nguyên nhân là để hiểu rõ bản chất sự vận động của đất đai. Nhưng quan trọng hơn là trên cơ sở đó để tìm những giải pháp thích ứng cho từng loại nguyên nhân. Giải quyết vấn đề hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất nhằm đảm bảo đời sống sản xuất là vấn đề kinh tế xã hội, không thể giải quyết ngay trong một thời gian ngắn, mà phải căn cứ vào từng nhóm nguyên nhân tác động để xác định rõ bước đi, giải pháp cụ thể cho từng đối tượng, ở từng địa phương, qua từng giai đoạn, không áp đặt và dập khuôn máy móc.

### ***3.2. Quan điểm:***

Quan điểm phải tuân theo quy luật vận động khách quan của sự phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn trong điều kiện phát triển kinh tế hàng hoá, kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Việc đảm bảo đất sản xuất cho các hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất ở Sóc Trăng đang là vấn đề cấp bách, nhưng giải quyết vấn đề này cần tuân theo quy luật khách quan của sự phát triển kinh tế nông nghiệp. Những mong muốn để mọi người nông dân Khmer đều có ruộng đất là ý tưởng tốt nhưng khó có thể thực hiện được. Nhà nước ta không thể có thêm quỹ đất để chia cấp cho hộ nông dân Khmer mới, đang có xu hướng gia tăng nhanh. Vì vậy không nên cáo bằng giải quyết đất sản xuất nông nghiệp của hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất.

Vì vậy việc đảm bảo đất sản xuất nông nghiệp của hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất phải dựa vào hướng giải quyết việc làm là chính. Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ chúng ta đã có chủ trương



“người cày có ruộng” thì trong nền kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới mục tiêu dân giàu nước mạnh thì phải làm sao cho: “mọi người lao động là nông dân phải có việc làm”. Có việc làm ổn định, người nông dân Khmer ở Sóc Trăng có thu nhập đó là con đường cơ bản để đảm bảo sản xuất và đời sống.

Tuy nhiên đối với các hộ nông dân Khmer không có đất và thiếu đất sản xuất, nhưng có khả năng sản xuất nông nghiệp và thiết tha với ruộng đất, thì địa phương cần xem xét cụ thể và tùy theo khả năng để giải quyết đất sản xuất cho họ, trên cơ sở có sự kiểm soát chặt chẽ.

### ***3.3. Quan điểm về phương thức giải quyết vấn đề đất sản xuất nông nghiệp của hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất.***

Là nông dân nhưng họ không có đất chắc chắn họ sẽ gặp nhiều khó khăn cần được sự giúp đỡ của nhà nước đó là lẽ đời. Nhưng trong điều kiện ngân sách còn hạn hẹp số nông dân Khmer không đất và thiếu đất nhiều, hơn nữa nguyên nhân không đất còn mang tính chủ quan vì vậy cần thống nhất quan điểm là Nhà nước chỉ trợ giúp trên các phương diện như: Tạo các điều kiện pháp lý, hỗ trợ các điều kiện cơ bản, điều phối các vấn đề mang tính vĩ mô. Thống nhất quan điểm này cho phép tìm được phương thức giải quyết vấn đề không đất của hộ nông dân Khmer hợp lý, hiệu quả. Xác định được trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với những công việc một cách thiết thực.

### ***3.4. Quan điểm hiệu quả kinh tế xã hội.***

Không đất và thiếu đất là sản phẩm của sự tương tác của các vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội. Vì vậy bên cạnh quan điểm hệ thống trong việc xác định các giải pháp sử lý, còn cần phải quán triệt quan điểm đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các giải pháp. Phải kết hợp giải quyết các vấn đề kinh tế với các vấn đề chính trị xã hội, phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội (trước hết

là hiệu quả kinh tế) làm mục tiêu, tiêu chuẩn đánh giá. Hiệu quả kinh tế xã hội biểu hiện ở việc: Đảm bảo cho hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo đời sống ở giới hạn hợp lý, các nguồn lực được khai thác (trước hết là đất đai và sức lao động) một cách đầy đủ và có hiệu quả.

### ***3.5. Phát huy nội lực của người nông dân, các địa phương đồng thời tăng cường hỗ trợ từ bên ngoài.***

Sản xuất hàng hoá, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn đi liền với giải quyết tình trạng nông dân Khmer không đất và thiếu đất là vấn đề kinh tế- xã hội bức xúc cho cả lâu dài và trước mắt. Để giải quyết vấn đề này, không thể theo quan điểm bao cấp mà phải trên cơ sở phát huy tính chủ động của người nông dân, đồng thời tăng cường sự hỗ trợ của nhà nước.

Một mặt tự bản thân người nông dân Khmer phải nỗ lực chủ động, không chờ đợi, phải bươn chải để tự giải quyết sản xuất, đời sống của mình phù hợp với điều kiện cụ thể ở từng địa phương, từng đối tượng. Mặt khác nhà nước, chính quyền địa phương cũng như toàn xã hội phải có các chương trình dự án hỗ trợ tích cực và có hiệu quả hơn cho nông dân Khmer vươn lên thoát khỏi đói nghèo. Cần có chính sách vi mô để vừa đảm bảo sản xuất, việc làm cho hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất sản xuất nông nghiệp, vừa quản lý được sự vận động của đất đai, lao động trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường.

#### **4. Những giải pháp cơ bản nhằm giải quyết đất sản xuất nông nghiệp cho các hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất ở tỉnh Sóc Trăng.**

Để đảm bảo sản xuất và đời sống của hộ nông dân Khmer không đất hoặc thiếu đất ở tỉnh Sóc Trăng là tạo việc làm; đồng thời các địa phương của tỉnh Sóc Trăng xem xét cụ thể những hộ thiết tha với ruộng đất và có khả năng sản xuất nông nghiệp để giải quyết ruộng đất cho họ.

Mục tiêu của việc giải quyết các vấn đề không đất và thiếu đất để sản xuất nông nghiệp là tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho các hộ nông dân Khmer. Giải quyết được vấn đề này là giải quyết được vấn đề căn bản nhất phát sinh từ mặt trái của quá trình tập trung ruộng đất. Bởi vì do thiếu đất và không đất hộ nông dân Khmer có mức thu nhập thấp hơn các hộ nhiều đất, mức thu nhập đó vừa không đủ chi dùng cho nhu cầu, vừa không thường xuyên ổn định.

Vì vậy các giải pháp để có việc làm, nâng cao thu nhập có rất nhiều giải pháp, bao gồm các giải pháp cơ bản sau đây:

##### ***4.1. Nhóm giải pháp: Giúp một bộ phận nông dân Khmer không đất và thiếu đất sản xuất nông nghiệp có đất để sản xuất nông lâm- ngư nghiệp.***

Đây là nhóm giải pháp tạo cho nông dân Khmer không đất sản xuất nông nghiệp hoặc thiếu đất có đủ đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối tượng có đất trở lại: Nên giới hạn ở những hộ vì lý do khách quan không có đất hoặc thiếu đất (ốm đau, mới tách, do chủ cũ đòi lại...), nay có nhu cầu thực sự cần đất và nếu họ có đất thì có khả năng sử dụng đất có hiệu quả, với các đối tượng này nên giải quyết theo các hướng sau:

##### **4.1.1. Mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp để tạo quỹ đất cho hộ nông dân Khmer không có đất và thiếu đất.**

Mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp tạo quỹ đất cho hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất bằng khai hoang phục hoá. Đối với Sóc Trăng quỹ đất hoang hoá có thể đưa vào sản xuất nông nghiệp còn khoảng 15.000 ha (theo số liệu sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Sóc Trăng năm 2004) chủ yếu tập trung ở ven biển. Nếu đề án lấn biển của Sóc Trăng được thực hiện thì có thể giải quyết một phần đất sản xuất cho khoảng 35000 hộ không đất và thiếu đất, trong đó có hộ nông dân Khmer không đất. Tuy đất ven biển còn, song không dễ khai hoang ngay được trong thời gian ngắn vì vậy cần có phương thức tổ chức thích hợp, cần phải xây dựng thành một chương trình riêng trong chương trình 773 và chương trình trồng 5 triệu ha rừng của Chính phủ.

Đất hoang là vùng đất khó khăn, vì vậy cần thực hiện tốt phương thức: Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng như giao thông, thuỷ lợi, điện, khu dân cư, trạm xá, nước sinh hoạt sau đó mới chuyển dân đến.

#### 4.1.2. *Giúp một bộ phận hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất chuộc lại ruộng đất đã cầm cố, sang nhượng.*

Cho vay vốn để chuộc lại đất: Khảo sát thực tế nguyện vọng hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất tại ấp Bung Cóc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú cho thấy có tới 100% số hộ không đất và thiếu đất có nguyện vọng được nhà nước cho vay vốn để chuộc đất và mua đất tối thiểu là 2.000m<sup>2</sup>. Trên thực tế ở Sóc Trăng giải pháp này đã được thực hiện ở Hợp tác xã nông nghiệp 2/9. Giá chuộc lại đất khoảng 2-3 triệu đồng/ 1000m<sup>2</sup>. Nếu chỉ đáp ứng nguyện vọng tối thiểu (2000m<sup>2</sup>) cho một hộ nông dân Khmer không đất, ít nhất cũng phải cho vay bước đầu là 6 triệu đồng, nếu tính cả tiền cần vay để đầu tư cho một hộ là 2 triệu đồng thì tổng số tiền cho vay bước đầu là 8 triệu đồng. Điều quan trọng là sau khi vay chuộc lại đất, người vay làm thế nào trả lại tiền. Theo kinh nghiệm hiện nay bà con Khmer dùng đất để trồng cỏ nuôi bò, đã đem lại một số hiệu quả nhìn thấy (với điều kiện khuyến nông

cần được đẩy mạnh và sát sao hơn). Đối với các đối tượng này nhằm giúp họ bảo tồn được vốn và giữ được đất sản xuất sẽ tiến hành lập các nhóm sản xuất tình nguyện. Nhóm sản xuất này sẽ được nhà nước ưu đãi vay vốn chuộc đất nhưng chỉ được cấp một sổ đỏ trong đó có ghi cụ thể số đất của từng gia đình. Hoạt động của nhóm này theo kiểu tổ đổi công có nhu cầu sản xuất tập thể để tiếp nhận và thực hiện những phương pháp sản xuất mới hoặc những kỹ thuật canh tác mới. Tương trợ nhau vào những lúc hoạn nạn, ốm đau, thiên tai, túng bán. Trong tổ chức canh tác nhóm tình nguyện, các hộ nông dân thực hiện những công việc theo một số quy định được tập thể thống nhất xác định trước. Mỗi thành viên của nhóm điều hành ruộng đất riêng của mình, song các thành viên đều thoả thuận theo một vụ trồng, áp dụng cùng một lượng phân bón vào cùng một thời điểm, cùng nhất trí về một số chế độ quản lý nông nghiệp khác. Với những khoản đất nhỏ và rải rác đòi hỏi các hộ nông dân Khmer phải có hành động phù hợp trên từng địa điểm mới có thể đạt tới mức thu để có năng suất cao.

Việc hình thành những nhóm sản xuất tình nguyện sẽ là những biện pháp chống lại việc bỏ làng, bỏ ấp ra đi và làm không chọn ngày công của một số hộ nông dân.

Tổ chức chăn nuôi của nhóm sản xuất tình nguyện là kết hợp nhóm sản xuất với mục đích sử dụng đất, máy móc và những phương tiện khác để hợp tác nuôi trâu, bò hoặc sản xuất cỏ.

Đối với giải pháp giúp một bộ phận nông dân Khmer chuộc lại ruộng đất đã cầm cố, sang nhượng chúng ta có một số kiến nghị sau đây:

a) *Đối với Trung ương*: Chỉ đạo tỉnh Sóc Trăng làm thử, tổng kết kết quả và hiệu quả của giải pháp. Đặc biệt cần làm rõ khả năng hoàn vốn của các hộ vay tiền chuộc đất.

b) *Nếu lựa chọn biện pháp này, Sóc Trăng cần có sự lựa chọn thật kỹ đối tượng cho vay chuộc đất theo 2 tiêu chuẩn cơ bản:*

Có lượng đất cầm cố lớn để chuộc lại với lượng đủ kinh doanh tạo lợi nhuận cho việc hoàn vốn.

Có nhu cầu vay tiền chuộc đất, nhưng khả năng chắc chắn sử dụng đất có hiệu quả, chính họ có khả năng giữ lại đất.

c) *Thời hạn vay vốn quy định số năm bắt đầu trả và lượng trả hàng năm cho đến khi thu xong lượng tiền trả cho nhà nước phải là phần dôi ra từ kết quả sản xuất hàng năm, sau khi đã trừ chi phí sản xuất, phần chi dùng cho đời sống.*

d) *Có các biện pháp hỗ trợ về chính sách vĩ mô, như đầu tư chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật, để các hộ chuộc đất, sử dụng ruộng đất có hiệu quả, tránh rủi ro. Cho vay chuộc đất là giải pháp có tính chất tiên đề giúp hộ nông dân từng bước thoát khỏi đói nghèo, vươn lên khá và giàu.*

#### ***4.2. Nhóm giải pháp với hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất nhưng không giải quyết bằng đất mà tạo việc làm và tăng thu nhập.***

Khai hoang và cho hộ nông dân Khmer vay chuộc lại ruộng đất chỉ là biện pháp trước mắt và để nông dân đủ sống. Về lâu dài là tạo điều kiện cho bà con nông dân Khmer không đất và thiếu đất có thể vươn lên làm giàu, do đó phải tạo việc làm và đặc biệt là việc làm có thu nhập cao. Nhóm giải pháp này nhằm tăng cường sản xuất tạo sức thu hút lao động.

Qua khảo sát thực tế, chúng ta thấy khả năng giải quyết việc làm và thu nhập đối với hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất là rất lớn. Xuất phát từ yêu cầu và đặc điểm lao động có thể đề xuất một số giải pháp sau:

a) *Đẩy mạnh đầu tư thâm canh, tăng vụ mở rộng diện tích, thực hiện cải tạo vườn tạp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, một mặt tạo ra nhiều*

nông sản, nâng cao hiệu quả sản xuất (đối với những người nhiều đất) mặt khác tạo ra khả năng thu hút lao động (đối với những người không đất và thiếu đất).

- Đầu tư thâm canh: Qua khảo sát chúng ta đều thấy các hộ nông dân đã có mức đầu tư khá lớn cho sản xuất cho nên năng suất lúa của Sóc Trăng cũng đã tăng nhanh trong những năm vừa qua. Để tránh tình trạng làm suy kiệt đất đai, cần tăng cường và thay đổi phương thức đầu tư thâm canh theo hướng sử dụng nhiều lao động sống vào các khâu trừ sâu, diệt cỏ, sản xuất các loại phân hữu cơ...với sự thay đổi có sức thu hút lao động ngay trong nông nghiệp có thể tăng thêm 10-15%.

- Về chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi: Hiện tại lúa là sản phẩm hàng hoá chủ yếu ở Sóc Trăng, các cây trồng và vật nuôi khác mới bước đầu phát triển. Vì vậy chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi vừa là giải pháp nâng cao hiệu quả của sản xuất, vừa tạo ra sức hút lao động tạo việc làm cho các hộ nông dân không đất và ít đất.

- Phương án phù hợp nhất hiện nay ở vùng đồng bào Khmer sinh sống là mở rộng chăn nuôi đại gia súc đặc biệt là nuôi bò rất có hiệu quả. Thực hiện phương án này có hai vấn đề cần giải quyết là vốn đầu tư ban đầu và thị trường.

- Thực hiện cải tạo vườn tạp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất: Đất vườn của Sóc Trăng có diện tích trên 10.000 ha chủ yếu là vườn tạp. Vườn tạp là do hai nguyên nhân như chất lượng đất (đất phèn, nước phèn cao)...và sự đầu tư chưa được chú trọng. Cải tạo vườn tạp thành các vườn cây ăn quả có giá trị cao, cần giúp nông dân Khmer mất phương diện sau đây:

- + Giúp vốn, cho vay vốn để cải tạo vườn.
- + Giúp lựa chọn cây trồng thích hợp.
- + Giúp về giống cây trồng.

+ Giúp về kỹ thuật trồng và chăm sóc.

+ Giúp nông dân bảo quản, chế biến, vận chuyển.

b) *Phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp*, công nghiệp nông thôn thực hiện sự phân công lao động trong nội bộ nông thôn vùng Khmer trong tỉnh Sóc Trăng.

Phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nông thôn là xu hướng vận động mang tính quy luật của quá trình chuyển đổi nông nghiệp tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hoá.

Đối với Sóc Trăng, trong điều kiện số hộ nông dân không đất và thiếu đất sản xuất nông nghiệp tăng nhanh phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nông thôn, nhất là các ngành nghề thủ công truyền thống là giải pháp quan trọng để tạo việc làm, tăng thu nhập đảm bảo đời sống.

Tuy nhiên ở Sóc Trăng việc phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nông thôn còn khó khăn. Trên thực tế khảo sát cho thấy cần khuyến khích bà con Khmer khôi phục và phát triển các ngành thủ công truyền thống như : Dệt, thổ cẩm, đan lát, dệt chiếu, làm bánh, cơ khí sản xuất công cụ cầm tay... phục vụ chủ yếu cho nhu cầu trong vùng, một phần bán ra thị trường và xuất khẩu.

- Các ngành dịch vụ: Khuyến khích việc mở mang các ngành dịch vụ nông thôn, nhất là dịch vụ đầu vào và đầu ra cho sản xuất nông nghiệp, cũng như các dịch vụ phục vụ cho sản xuất đời sống trong vùng.

- Phát triển công nghiệp địa phương: Đây là nhân tố quyết định giải quyết việc làm cho người lao động và là giải pháp có tính chất lâu dài. Phát triển công nghiệp thu hút lao động nông nghiệp, nông thôn là một trong các nội dung của công nghiệp hoá và là xu thế tất yếu của nền kinh tế nước ta.



Ưu tiên phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến như: Chế biến lương thực, chế biến và bảo quản hoa quả, chế biến thịt, chế biến nước đường...phấn đấu để phần lớn các sản phẩm do người nông dân làm ra đều được chế biến nâng cao chất lượng mới đưa ra thị trường.

#### ***4.3. Đầu tư phát triển hệ thống các trường, các trung tâm dạy nghề tại địa phương đồng bào Khmer.***

Để giúp đồng bào Khmer lao động trong vùng, trước hết là những hộ không đất và thiếu đất có cơ hội để kiếm việc làm, đặc biệt là việc làm trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, việc làm ở các đô thị, các trung tâm công nghiệp hoặc đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, cần phải quan tâm đến việc xây dựng các trung tâm dạy nghề thu hút con em bà con Khmer vào học, thoả mãn được nhu cầu học nghề của thanh niên Khmer (nếu huyện có đồng đồng bào Khmer thì cố gắng xây dựng 2 cơ sở). Trước mắt đào tạo những nghề có thể có ngay việc làm như: Sửa chữa cơ khí, điện dân dụng, thợ xây...

#### ***4.4. Đổi mới chính sách tín dụng nông thôn tạo điều kiện cho người dân không đất và thiếu đất có đủ vốn phát triển sản xuất- kinh doanh.***

Trong những năm qua các tổ chức tín dụng hoạt động ở nông thôn đã có nhiều cố gắng để hỗ trợ đồng bào Khmer không đất và thiếu đất trong việc sản xuất kinh doanh. Song hoạt động tín dụng ở nông thôn còn nhiều vấn đề cần được tháo gỡ.

Trên danh nghĩa các ngân hàng quy định các hộ nông dân vay dưới 5 triệu đồng (gần đây mở rộng thêm là 10 triệu đồng) không phải thế chấp tài sản. Nhưng trong thực tế khi thực hiện cán bộ tín dụng của ngân hàng vẫn bắt phải thế chấp và yêu cầu chủ tịch xã ký bảo lãnh. Nếu người nông dân Khmer bị một rủi ro nào đó không trả được nợ thì ngân hàng trừ ngay vào ngân sách của xã. Điều này làm cho chủ tịch xã không dám ký bảo lãnh và

người nông dân Khmer cũng rất khó vay được vốn của ngân hàng, nhất là hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất.

Mặt khác cơ cấu cho vay cũng chưa thật hợp lý đại bộ phận là cho vay ngắn hạn, vay trung hạn và dài hạn hết sức hạn chế. Vì vậy nông dân khó có điều kiện đầu tư mở mang các hoạt động sản xuất- kinh doanh dịch vụ với quy mô tương đối lớn và có tính chất lâu dài, nhất là việc trồng các loại cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm. Lượng vốn cho vay mỗi lần quá ít, vài trăm ngàn hoặc 1- 2 triệu. Với số tiền này, nhiều hộ bước ra khỏi ngân hàng là đã hết vì các con nợ đã trở sẵn ở ngoài để đòi. Những gia đình không trả nợ thì chỉ đủ chi trong một thời gian ngắn, không còn gì để đầu tư cho sản xuất. Trường hợp đầu tư cho toàn bộ sản xuất lượng tiền vay theo quy định hiện tại không đủ lượng để đầu tư kinh doanh có hiệu quả.

- Thời gian thu hồi vốn vay của các tổ chức tín dụng càng chưa hợp lý. Thường các tổ chức này hay thu nợ vào lúc thu hoạch mùa màng. Điều này đã buộc nông dân Khmer phải bán sản phẩm với giá rẻ để có tiền trả nợ cho ngân hàng.

Để giúp bà con nông dân Khmer không đất và thiếu đất ở Sóc Trăng có điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống. Chúng ta đề nghị đổi mới chính sách tín dụng như sau:

- Tăng lượng vốn vay cho từng hộ, tối thiểu từ 5- 10 triệu (đối với vay ngắn hạn).

- Tăng thời hạn cho vay, cây ngắn ngày thời hạn là 12 tháng kể từ ngày vay, còn cây dài ngày là 5 năm, chăn nuôi là 3 năm.

- Việc thu nhập phải tiến hành sau khi thu hoạch một thời gian, không nên vào lúc thu hoạch rộ. Đặc biệt không được viết nợ ngay đầu vụ thu hoạch.

- Cải tiến phương thức cho vay, đảm bảo cho người nông dân Khmer được vay trực tiếp, nhanh chóng và thuận tiện.

Cần kết hợp với các địa phương, các tổ chức khuyến nông giúp đỡ hộ nông dân Khmer vay vốn sử dụng có mục đích và có hiệu quả.

#### ***4.5. Tạo điều kiện thuận lợi cho các kinh tế tập thể (Hợp tác) ra đời và phát triển trong nông nghiệp.***

Kinh tế hợp tác là một loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh- dịch vụ được xã hội loài người thừa nhận. Nó là kết quả tất yếu của phân công và hợp tác lao động xã hội trong tiến trình phát triển của nhân loại. Thực tiễn phát triển của xã hội loài người 200 năm qua cũng đã cho thấy, kinh tế hợp tác là mô hình tổ chức thích hợp để người lao động học hỏi cách làm ăn, hỗ trợ giúp đỡ nhau trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

ở Sóc Trăng, với tình hình hiện nay tại các vùng đồng bào Khmer nên khuyến khích hình thành các loại hình kinh tế hợp tác (nhóm sản xuất tình nguyện có từ 3 hộ trở lên) nhằm tạo điều kiện cho người nông dân Khmer không đất và thiếu đất, dịch vụ đầu vào và đầu ra trong nông nghiệp, trong tiểu thủ công nghiệp, trong các hoạt động dịch vụ, giải quyết việc làm, trong việc tiếp nhận sự hỗ trợ của nhà nước, cũng như trong việc bảo vệ quyền lợi của người nông dân đối với những người nông dân Khmer không đất tước mất cho thành lập hợp tác xã dịch vụ lao động nhằm giúp những người làm thuê bảo vệ quyền lợi của người nông dân.

Trong việc hình thành các loại hình kinh tế hợp tác chúng ta đề nghị các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương cần quan tâm các vấn đề sau:

- Đào tạo đội ngũ quản lý, đây là yếu tố quan trọng.
- Xây dựng các phương án sản xuất- kinh doanh dịch vụ sao cho thiết thực, vừa khả thi, vừa hiệu quả.

- Hỗ trợ về vốn (chủ yếu là vốn vay) song phải có một số lượng phù hợp, bảo đảm các hoạt động cơ bản của hợp tác xã, phương thức vay phải trả thuận lợi. Đồng thời có sự ưu đãi lâu dài nhất định trong lãi suất, đặc biệt là thời kỳ đầu mới kinh doanh.

Việc hình thành các nhóm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bắt nguồn từ cơ sở khách quan và sự tình nguyện của các thành viên (khác với hợp tác xã trước đây).

***4.6. Phối hợp tốt các chương trình, chính sách xã hội mới đảm bảo sản xuất và đời sống cho các hộ nông dân Khmer không đất hoặc thiếu đất sản xuất.***

Để đảm bảo sản xuất và đời sống cho các hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất sản xuất Chính phủ đã có các chương trình 773; chương trình trồng 5 triệu ha rừng; chương trình khai hoang; chương trình xoá đói giảm nghèo; chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn; các chính sách đối với gia đình có công với cách mạng; chương trình cải tạo vườn tạp; chương trình cho vay giải quyết việc làm theo Quyết định số 120-CP của Chính phủ. Tất cả các chương trình trên đều hướng đến tác động giúp các hộ nông dân Khmer không đất và thiếu đất nói riêng. Để nâng cao hiệu quả của sự tác động và tránh chồng chéo, cần lồng ghép triển khai các chương trình dự án.